

Bản án số: 16 /2025/HS-ST

Ngày 18 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương.

Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên, ông Hoàng Lê Tâm, bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Hoàng Á** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/12/1992 tại huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Nơi thường trú và nơi ở: Tổ A, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim L; vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

2. Họ và tên: **Vương Đình P** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/3/1996 tại huyện N, tỉnh Nghệ An;

Nơi thường trú và nơi ở: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Đình H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1; vợ: Ngô Thị Hồng N; con: Có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/8/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt.

3. Họ và tên: **Lê Đức T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/7/1999 tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Trần Thị H2; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/3/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị T1** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 30/4/1984 tại huyện H, tỉnh Quảng Nam;

Nơi ĐKNK thường trú: Số nhà K43/H02/06, Cù Chính Lan, tổ 13, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;

Nơi ở: Hẻm 431, đường Mai Đăng Chơn, tổ 26, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mậu T2 và bà Huỳnh Thị H3; chồng: Dương Văn T3; con: Có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/7/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt.

5. Họ và tên: **Dương Văn T3** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 29/9/1981 tại huyện Q, tỉnh Quảng Nam;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Tổ A, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn B (đã chết) và bà Lương Thị H4; vợ: Nguyễn Thị T1; con: Có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Họ và tên: **Trần Đức T4** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27/9/2000, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố An Kỳ, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở: Số nhà 04, ngách 44, ngõ 58 đường Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T5 và bà Lê Thị L1; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2024 đến ngày 25/9/2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

7. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc H5** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12/5/2003, tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam;

Nơi ĐKNKTT: Khu Song Mỹ, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam;

Nơi ở: Tổ 7, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H6 và bà Đinh Thị Mỹ N1; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/9/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; có mặt.

8. Họ và tên: **Nguyễn Thành L2** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/2/2003, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Chiến sỹ nghĩa vụ thuộc Phòng Cảnh sát cơ động, Công an tỉnh H (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân tại Quyết định số 5279/QĐCAT-PX01 ngày 18/10/2024 của Giám đốc Công an tỉnh H); trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H7 và bà Nguyễn Thị H8; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Hoàng Á:* Ông Võ Tuấn Vĩnh T6 - Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T;

Địa chỉ: E P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Đức T:* Ông Nông Văn V - Luật sư Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

Địa chỉ: Khu dân cư L, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ À M1, sinh năm 2004; vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1983; vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm H, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

3. Ông Phạm Minh H9, sinh năm 1994; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm Chuối, xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;
Chỗ ở: Số 34, khu Liên Cơ, xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

4. Bà Phan Trần Tô N2, sinh năm 1990; vắng mặt;
Địa chỉ: Ấp Mỹ Hoà B, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
5. Ông Lê Quốc H10, sinh năm 2005; vắng mặt;
Địa chỉ: A H, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.
6. Ông Trần Văn T7, sinh năm 1984; vắng mặt;
Địa chỉ: Thôn A. huyện K, tỉnh Gia Lai.
7. Ông Lê Quốc H10, sinh năm 2004; vắng mặt;
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.
8. Ông Võ Đại T8, sinh năm 1991; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt;
Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;Chỗ ở: 17/6, 20C. Khu C, B, Thành phố B, Đồng Nai.
9. Ông Tô Chí Đ1, sinh năm 1995; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt;
Địa chỉ: trú tại 31U2, khu phố Long Sơn, thị trấn Long Điền;
Chỗ ở: 45/40 đường Võ Thị Sáu. khu phố Long Nguyên. thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
10. Bà Tạ Thị Kiều T9, sinh năm 1999; vắng mặt;
Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
11. Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1966; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt;
Địa chỉ: Tổ A, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
12. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1967; vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt;
Địa chỉ: Tổ A, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 01/2024, Trương Hoàng Á đã mua các thiết bị, dụng cụ để làm tiền Việt Nam giả. Sau đó Á thuê Vương Đình P, sinh năm 1996 (trú tại Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) chỉnh sửa các File hình ảnh tiền giả cho giống với tiền thật; khi nhận được các File hình ảnh tiền giả do P gửi, Á tiến hành tự làm tiền giả tại nhà mình. Thông qua mạng xã hội, Á đã giao bán tiền giả cho nhiều đối tượng trên địa bàn cả nước, trong đó có Lê Đức T, sinh năm 1999 (trú tại Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở ngách D, ngõ A, đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội); Nguyễn Thành L, sinh năm 2003 (trú tại N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; chỗ ở 89b B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương); Nguyễn Thị T1, sinh năm

1984 và Dương Văn T2, sinh năm 1981 (cùng trú tại Tổ A, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở Tổ B, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng) đã mua tiền giả của A để tàng trữ, lưu hành. Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2003 (trú tại khu S, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam); Trần Đức T3, sinh năm 2000 (trú tại Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở số nhà D, ngách D, ngõ E, đường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội) đã mua tiền giả của Lê Đức T để tàng trữ, lưu hành. Cụ thể:

1. Hành vi Làm tiền giả, tàng trữ, lưu hành tiền giả; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Trương Hoàng Á, sinh năm 1992 (trú tại Tổ A, Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang)

Khoảng tháng 6/2023, Á bị bệnh nhiễm trùng máu và nhiều bệnh khác, không lao động được nên không có thu nhập; thấy có nhiều người giao bán tiền giả trên các trang mạng xã hội nên Á đã nảy sinh ý định làm tiền giả bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Á liên hệ với một người qua ứng dụng T4 (không nhớ, không lưu giữ thông tin tài khoản này) trao đổi, học cách làm tiền giả và mua của người này 01 máy in màu nhãn hiệu EPSON L805, 01 máy ép Plastic nhãn hiệu Yatai lamianator, 01 lò vi sóng nhãn hiệu AVA, với giá khoảng 10.000.000 đồng. Ngoài ra, người này còn gửi cho Á File hình ảnh các mẫu tiền giả có mệnh giá 50.000 đồng, 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng. Sau đó Á đặt mua giấy bóng kính khổ A4, băng dính, mực in... tại các Cửa hàng văn phòng phẩm và tự làm tiền giả tại nơi ở của mình.

Từ tháng 6/2023 đến tháng 11/2023, Á làm tiền giả bằng cách sử dụng máy tính laptop kết nối với máy in màu để in hình ảnh từng mặt trước, sau của tờ tiền giả lên giấy bóng kính khổ A4, mỗi tờ Á in được 04 hình của một mặt tờ tiền; ghép hai mặt tờ tiền giả với nhau, cho vào lò vi sóng sấy khô; dùng máy ép P1 ép cho mực in dính chặt trên bề mặt giấy bóng kính; cắt bỏ giấy thừa xung quanh tờ tiền giả để có kích thước giống tiền thật; cắt thủng ô cửa sổ nhỏ và ô cửa sổ lớn trên tờ tiền, dùng băng dính trong suốt dán lên ô cửa sổ là hoàn thành. Sau đó Á đổi cách làm tiền giả bằng cách in hình ảnh từng mặt của tờ tiền vào 02 tờ giấy bóng kính khổ A4; bôi keo lên mặt in để giữ màu mực và cho vào máy sấy khô; đặt một tờ A4 kính trắng khác ở giữa hai tờ đã in, ghép lại với nhau và cho vào máy ép để hình 2 mặt của tờ tiền dính vào tờ kính trắng ở giữa thành một tờ hoàn chỉnh, gồm 04 tờ tiền giả; cắt rời thành từng tờ tiền có kích thước giống tiền thật; cuối cùng là để các tờ tiền giả này vào máy sấy khô.

Do các tờ tiền giả làm ra có màu sắc, kích thước không giống tiền thật và có ít số sêri ngắn, khi lưu hành dễ bị phát hiện, nên khoảng đầu tháng 11/2023, Á thấy có Vương Đình P sinh năm 1996 (trú tại Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An), là nhân viên hợp đồng của Cửa hàng “Ảnh viện cho B và gia đình”, địa chỉ tại số E đường N, H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, đăng thông tin trên mạng xã hội nhận chỉnh sửa ảnh (kèm theo số điện thoại 0962.220.975 của P), Á đã sử dụng tài khoản Zalo “Vô Tâm” của mình kết bạn với tài khoản Z “Đình Phong Pts” của P và trao đổi, thuê P chỉnh sửa các File ảnh tiền giả, P đồng ý. Sau đó Á hướng dẫn P lập tài khoản Telegram “Phong Phong” để sử dụng trao đổi, liên hệ về việc chỉnh sửa các File hình ảnh tiền giả với tài khoản T4 “Hận Đời” của Á. Từ tháng

11/2023 đến tháng 12/2023, A đã thuê P 05 lần chỉnh sửa hình ảnh các File tiền giả theo yêu cầu của A.

Sau khi làm tiền giả theo các File ảnh do P chỉnh sửa, từ tháng 7/2023 đến tháng 01/2024, A đã sử dụng nhiều tài khoản mạng xã hội gồm tài khoản Facebook tên “My Tran”, “Hà N”; tài khoản Zalo tên “Haha”, “Vô Tâm”; tài khoản Telegram tên “To kuda”, “Ẩn”, “Hận Đời”, “Ngọc Ẩ”... để đăng, giao bán tiền giả trên mạng xã hội, trao đổi tỷ lệ mua bán tiền giả, hình thức thanh toán, thông tin nhận đơn hàng (thông qua các đơn vị chuyển phát). Để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, A liên hệ với người đã hướng dẫn A cách làm tiền giả và được người này chỉ cách sử dụng số điện thoại, tài khoản không chính chủ để đăng ký thông tin tại các đơn vị vận chuyển; đồng thời A đã mua của người này 01 sim điện thoại số 09286.762.290, 01 tờ thông tin tài khoản số 100029352657 mở tại W và 01 thẻ Căn cước công dân số 079096012761 (đều được đăng ký và mang thông tin Trang Anh T5, sinh ngày 26/7/1996; quê quán P, B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú 139/2 G, phường A, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh). Khi nhận được các giấy tờ, thông tin trên, A thấy ảnh chân dung trên Căn cước công dân số 079096012761 là ảnh chân dung của A và A đã sử dụng tạo lập tài khoản Zalo dùng để trao đổi liên hệ với đối tượng trên. Ngoài ra, A còn sử dụng các thông tin này để đăng ký mở tài khoản tại Công ty Cổ phần D3 và Viettel P2; sử dụng tài khoản ngân hàng số 100029352657 để nhận tiền thu hộ từ các Công ty chuyển phát. Khi gửi tiền giả cho người mua, A đều đóng hàng trước và ghi thông tin là hàng tiêu dùng thông thường; không được kiểm tra khi nhận hàng. Người mua tiền giả có thể chuyển khoản thanh toán tiền mua tiền giả trước cho A qua các tài khoản ngân hàng số 10002935265 mang tên Trang Anh T5 mở tại W, tài khoản số 1017153677 của A mở tại S, hoặc thanh toán khi nhận hàng qua đơn vị vận chuyển thông qua hình thức giao hàng có thu tiền hộ (Ship COD). Với phương thức, thủ đoạn trên, A đã làm và gửi 125 đơn hàng tiền giả cho 80 người ở 48 tỉnh, thành phố trong cả nước (115 đơn hàng gửi qua dịch vụ chuyển phát của Công ty cổ phần D3 hàng nhanh, 10 đơn hàng gửi qua dịch vụ Viettel Post); kết quả điều tra xác định được một số đối tượng đã mua tiền giả của A gồm:

- Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 04/01/2024, A bán cho Lê Đức T, sinh năm 1999 (trú tại Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở ngách D, ngõ A, đường M, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội) 15 đơn hàng gồm 80.950.000 đồng tiền giả. T đã tàng trữ, lưu hành số tiền giả này.

- Từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, A bán cho Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984 và Dương Văn T2, sinh năm 1981 (cùng trú tại Tổ A, phường H, quận T, Thành phố Đà Nẵng; chỗ ở Tổ B, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng) 12 đơn hàng gồm 48.400.000 đồng tiền giả, T1 và T2 đã tàng trữ, lưu hành số tiền giả này.

- Trong tháng 12/2023, A đã bán cho Nguyễn Thành L, sinh năm 2003 (trú tại N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; chỗ ở 89b B, phường T, thành phố H) 02 đơn hàng gồm 3.500.000 đồng tiền giả để L tàng trữ, lưu hành.

- Từ ngày 07/10/2023 đến ngày 20/11/2023, A bán cho Võ À M, sinh năm 2004 (trú tại Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang) 05 đơn hàng gồm 31.800.000

đồng tiền giả, mục đích để M làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả (hiện M đang bị Cơ quan ANĐT Công an tỉnh A khởi tố, điều tra về hành vi Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả).

- Trong tháng 7/2023, A bán cho Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1983 (trú tại Xóm H, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An) 02 đơn hàng gồm 4.500.000 đồng tiền giả (D đã bị Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử 03 năm tù cho hưởng án treo về hành vi Tàng trữ, lưu hành tiền giả tại Bản án số 07/2024/HS-ST ngày 27/3/2024).

- Ngày 27/10/2023, A bán cho Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2003 (trú tại Khu S, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) 01 đơn hàng gồm 3.000.000 đồng tiền giả. H khai do số tiền giả mua của A xấu, in lỗi không lưu hành được nên H đã hủy bỏ hết.

- Ngày 07/9/2023, A bán cho Phạm Minh H1, sinh năm 1994 (trú tại Xóm C, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở Số C, khu L, xã K, huyện G, Thành phố Hà Nội; thông tin nhận hàng là T5, Cầu C, K, G, Hà Nội, số điện thoại 0985.778.809) 01 đơn hàng gồm 1.200.000 đồng tiền giả. H1 khai do số tiền giả mua của A in lỗi, không giống tiền thật, không lưu hành được nên đã hủy bỏ hết.

- Trong các ngày 28 và 31/7/2023, A bán cho Phan Trần Tố N1, sinh năm 1990 (trú tại Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; số điện thoại 0962.797.371) 02 đơn hàng gồm 7.500.000 đồng tiền giả. N1 khai do thấy tiền giả có hình thức không giống tiền thật nên đã đốt bỏ ngay sau khi nhận được các đơn hàng.

- Ngày 31/7/2023, A bán cho Lê Quốc H2, sinh năm 2005 (trú tại A H, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; số điện thoại 0915.765.864) 700.000 đồng tiền giả. H2 khai khi nhận được tiền, thấy màu sắc, hình thức các tờ tiền xấu, không thể lưu hành được nên H2 đã vứt bỏ hết.

- Khoảng cuối tháng 12/2023 đến đầu tháng 01/2024, A bán cho Trần Văn T6, sinh năm 1984 (trú tại Thôn A, huyện K, tỉnh Gia Lai; thông tin nhận đơn hàng là A, N đường B, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương) 03 đơn hàng gồm 6.400.000 đồng tiền giả. T6 khai nhận do thấy tiền giả in lỗi, không giống tiền thật, không lưu hành được nên đã đốt bỏ hết ngay khi vừa nhận được.

- Từ ngày 02/11/2023 đến ngày 21/11/2023, A đã bán cho Lê Quốc H2, sinh năm 2004 (trú tại Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An; số điện thoại 0931.541.852) 04 đơn hàng gồm 2.000.000 đồng tiền giả. H2 khai do thấy tiền giả xấu, in lỗi, không lưu hành được nên đã đốt bỏ hết.

- Ngày 25/12/2023, A gửi cho Võ Đại T7, sinh năm 1991 (trú tại Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở 17/6, 20C, Khu C, B, Thành phố B, Đồng Nai; số điện thoại 0973.171.139) 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng. Ngày 01/01/2024, A tạo đơn hàng để Nguyễn Thị T1 gửi hộ, trong có 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng cho T7. Tổng số tiền giả A đã giao cho T7 là 400.000 đồng. T7 khai do tiền giả có hình thức không giống thật nên T7 đã vứt bỏ ngay sau khi nhận đơn hàng.

- Trong tháng 01/2024, A bán cho Tô Chí Đ, sinh năm 1995 (trú tại C, khu phố L, thị trấn L; chỗ ở 4 đường V, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa -

Vũng Tàu; số điện thoại 0703.397.952) 3.000.000 đồng tiền giả. Đ khai do thấy tiền giả có hình thức không giống thật nên đã vứt bỏ ngay sau khi nhận hàng.

- Ngày 19/9/2023, A tạo đơn hàng và gửi cho Tạ Thị Kiều T8, sinh năm 1999 (trú tại Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; thông tin nhận hàng là T8, xã H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; số điện thoại 0367.232.949) 3.400.000 đồng tiền giả. T8 khai không được trao đổi mua bán tiền giả với A mà đặt mua văn phòng phẩm qua mạng xã hội; khi nhận được gói hàng, T8 kiểm tra thấy bên trong có 3.400.000 đồng tiền giả, do sợ vi phạm pháp luật nên T8 đã mang số tiền giả trên vứt ở bãi rác gần chợ H4, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Trong tháng 11/2023, A gửi cho Vương Đình P 01 đơn hàng, trong đó có 400.000 đồng tiền giả. P khai do thấy tiền giả không giống tiền thật, không thể lưu hành nên P đã đốt bỏ hết.

- Ngày 29/12/2023, A tạo 01 đơn hàng để gửi theo thông tin người nhận là T9, số điện thoại 0949.622.612; địa chỉ nhận đơn hàng UBND thị trấn P, QL1A, H, Bình Thuận. Do không có người nhận hàng nên đơn hàng trên được lưu tại kho Công ty giao hàng nhanh, địa chỉ số E, đường H, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ bưu kiện, kiểm tra trong đơn hàng trên có 4.000.000 đồng tiền giả.

Ngoài ra, A còn khai nhận bán tiền giả cho một số đối tượng khác, những đối tượng này đã cung cấp thông tin để A tạo đơn hàng gửi qua các đơn vị chuyên phát; Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng không đủ căn cứ để làm rõ. Đối với số tiền giả đã làm ra, nhưng chưa bán được là 10.400.000 đồng, A cất giấu tại nơi ở của mình, mục đích để bán kiếm lời.

* *Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Hoàng Á, Cơ quan điều tra đã tạm giữ:* 35 tờ tiền Việt Nam, trị giá 10.400.000 đồng (13 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 17 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 05 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng). 15 tờ giấy bóng kính, trên bề mặt mỗi tờ có in các tờ tiền giả có mệnh giá từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng (chưa hoàn thiện). 01 máy sấy hình hộp chữ nhật màu trắng, nhãn hiệu AVA, số hiệu 4840957000169. 01 máy ép Plastic, nhãn hiệu Yatai lamianator, mã số 13968961202. 01 máy in màu, vỏ màu đen, nhãn hiệu EPSON L805. 01 máy vi tính laptop, vỏ màu đen, nhãn hiệu Dell, các thông số seri máy bị bong tróc, không đọc được. 01 điện thoại di động Iphone 5s, vỏ màu vàng, số máy MF353 VN/A; số Seri DX3S6WX7FRC5. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50s, vỏ màu đen, kiểu máy SM-A507FN/DS, số seri R58MA4X4Q7J. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, số IMEI 1 355846090268217, số IMEI 2 355846090348217 (các đồ vật, tài sản trên đều đã qua sử dụng). 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 100 tờ A4 giấy kính trắng trong suốt. 01 thẻ căn cước công dân số 079096012761 mang tên Trang Anh T5. 01 tờ bưu phẩm màu vàng có dán giấy màu trắng in mã vận đơn 1723627457011, địa chỉ Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; bị xé nham nhở, không rõ hình.

* *Giám định đối với các đồ vật, tài liệu đã tạm giữ của Trương Hoàng Á:*

- Kết luận giám định số 610/KL-KTHS ngày 03/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: 35 tờ tiền Việt Nam và các tờ nilon in mặt trước, mặt sau các tờ tiền Việt Nam đã thu giữ của Trương Hoàng Á đều là tiền giả.

- Kết luận giám định số 606/KL-KTHS ngày 08/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Phôi “CĂN CUỐC CÔNG DÂN” số 079096012761, cấp ngày 24/11/2024, đứng tên Trang Anh T5, thu giữ của bị cáo Trương Hoàng Á là phôi thật. Hình ảnh chân dung ở mặt trước “CĂN CUỐC CÔNG DÂN” đã bị tẩy xóa, thay thế.

- Kết luận giám định số 627/KL-KTHS ngày 05/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Trong máy tính nhãn hiệu Dell, vỏ màu đen, không tìm thấy dữ liệu cuộc gọi đến, đi; tin nhắn đến đi trong các ứng dụng SMS, Z, Facebook, M1, T10 và không tìm thấy dữ liệu hình ảnh, Video, âm thanh có thời gian từ ngày 01/5/2023 đến ngày 12/4/2024. Trong điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3.1 Plus, vỏ màu đen, tìm thấy 500 cuộc gọi; 766 tin nhắn đi đến qua SIM; 134 cuộc gọi và 1896 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Zalo; 02 cuộc gọi và 273 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Facebook Messenger; 133 cuộc gọi và 5.170 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Telegram có thời gian từ ngày 01/5/2023 đến ngày 12/4/2024. Tìm thấy 2.377 tệp tin hình ảnh; 288 tệp tin video; 327 tệp tin âm thanh. Trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50s, vỏ màu đen, tìm thấy 2.003 cuộc gọi và 1.492 tin nhắn đi, đến qua SIM; 1.683 cuộc gọi và 6.980 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Zalo; 06 cuộc gọi và 644 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Facebook Messenger; 60 cuộc gọi và 891 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Telegram có thời gian từ ngày 01/5/2023 đến ngày 12/4/2024; tìm thấy 6.491 tệp tin hình ảnh; 233 tệp tin video; 6.913 tệp tin âm thanh. Trong điện thoại di động Iphone 5s, vỏ màu vàng tìm thấy 175 cuộc gọi và 119 tin nhắn đi, đến qua SIM; 16 cuộc gọi và 155 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Zalo; không tìm thấy cuộc gọi và tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Facebook Messenger và ứng dụng Telegram có thời gian từ ngày 01/5/2023 đến ngày 12/4/2024; tìm thấy 171 tệp tin hình ảnh, 66 tệp tin video, 1329 tệp tin âm thanh.

- Kết luận số 1192/KL-KLHS ngày 16/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Đối với 11 tờ tiền Việt Nam thu giữ tại Kho Công ty giao hàng nhanh, địa chỉ số E, đường H, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận, đều là tiền giả.

Như vậy, từ ngày 07/9/2023 đến tháng 01/2024, Trương Hoàng Á đã có hành vi làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả, với số tiền giả xác định là 211.550.000 đồng, trong đó Á đã bán 201.150.000 đồng; tàng trữ 10.400.000 đồng, mục đích để lưu hành. Tổng số tiền Á được hưởng lợi từ hành vi lưu hành tiền giả là 83.955.866 đồng (81.955.866 đồng nhận qua tài khoản số 100029352657 mang tên Trang Anh T5 mở tại W; nhận 2.000.000 đồng qua tài khoản số 1017153677 của Á mở tại S); Á đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

2. Hành vi làm tiền giả của Vương Đình P, sinh năm 1996 (trú tại xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An)

Vương Đình P là nhân viên hợp đồng của Cửa hàng “Ảnh viện cho B và gia đình”, có địa chỉ tại số E đường N, H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Để quảng

cáo công việc của mình, P đã đăng thông tin lên mạng xã hội về việc nhận chỉnh sửa ảnh và kèm theo số điện thoại 0962.220.975 của P. Do thấy các tờ tiền giả làm ra có màu sắc, kích thước không giống với tiền thật và có ít số sê ri, khi lưu hành dễ bị phát hiện; qua tìm hiểu trên mạng xã hội, Trương Hoàng A đọc được tin quảng cáo trên của P, nên khoảng đầu tháng 11/2023, A đã sử dụng tài khoản Zalo “Vô Tâm” của mình kết bạn với tài khoản Z “Đình Phong Pts” của P và trao đổi, thuê P chỉnh sửa các File ảnh tiền giả, P đồng ý với đề nghị của A. Sau đó, A hướng dẫn P lập tài khoản Telegram “Phong Phong” để sử dụng trao đổi, liên hệ về việc chỉnh sửa các File hình ảnh tiền giả với tài khoản T4 “Hận Đời” của A. Từ tháng 11/2023 đến tháng 12/2023, P đã 05 lần chỉnh sửa hình ảnh các File tiền giả theo yêu cầu của A để được hưởng tiền công:

- Khoảng đầu tháng 11/2023, A gửi cho P 01 File hình ảnh 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số sê ri *UA21851738* và yêu cầu P chỉnh sửa kích thước, độ sáng và tạo ô cửa sổ trong suốt trên tờ tiền cho giống với tiền thật. P đã sử dụng máy tính có phần mềm chỉnh sửa ảnh tại Cửa hàng để chỉnh sửa theo yêu cầu rồi gửi File ảnh tiền giả cho A. Ngày 13/11/2023, A đã chuyển khoản 200.000 đồng từ tài khoản số 1017153677 của A mở tại S đến tài khoản số 3668667896666 của P mở tại M2 để trả công.

- Ngày 14/11/2023, A gửi cho Phong F hình ảnh 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số sê ri *PR 21052066* và yêu cầu P chỉnh sửa kích thước, màu sắc tờ tiền cho giống với tiền thật, sau đó sao chép, chỉnh sửa số sê ri trên tờ tiền này thành nhiều số sê ri khác nhau. P đã sử dụng máy tính của Cửa hàng C hình ảnh, sao chép, ghép thành File ảnh có 04 tờ tiền trên tờ giấy khổ A4 và chỉnh sửa 02 số sê ri cuối của 03 tờ tiền được sao chép ra thành các tờ tiền có số sê ri *PR 21052077, PR 21052006, PR 21052056*. Sau đó, P gửi lại F ảnh tiền giả cho A và được A chuyển khoản 200.000 đồng tiền công vào tài khoản của P.

- Ngày 15/11/2023, A gửi cho P 01 File ảnh gồm 04 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có cùng số sê ri *UA 21851738*, là F hình ảnh P đã chỉnh sửa ngày 13/11/2023. A yêu cầu P chỉnh tăng độ sáng và căn chỉnh lề để mặt trước và mặt sau tờ tiền khi ghép lại sẽ trùng khớp. Sau khi chỉnh sửa xong, P gửi lại File ảnh trên cho A và được A chuyển khoản 100.000 đồng tiền công vào tài khoản số 3668667896666 của P.

- Ngày 18/11/2023, A gửi cho P File ảnh 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số sê ri *VX 18979169* và yêu cầu P chỉnh sửa kích thước, màu sắc, ô cửa sổ trên tờ tiền; đồng thời sao chép, chỉnh sửa thành nhiều tờ tiền có số sê ri khác nhau. P đã chỉnh sửa F ảnh theo yêu cầu và copy, chỉnh sửa thành 03 hình ảnh tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số sê ri lần lượt là *VX 18979199, VX 18979166* và *VX 18976169*. Chỉnh sửa xong P gửi lại F ảnh cho A và được A chuyển khoản 240.000 đồng tiền công vào tài khoản của P.

- Ngày 22/11/2023, A gửi cho Phong F ảnh 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có các số sê ri *PR 21052066, PR 21052077, PR 21052006, PR 21052056*, là F ảnh Phong chỉnh sửa ngày 14/11/2023. A yêu cầu P ghép thêm số 200.000 chìm ở chính giữa, ở trên và ở dưới mép ô cửa sổ lớn của tờ tiền cho giống tiền

thật. P chỉnh sửa theo yêu cầu và gửi lại F ảnh cho A và được A chuyển khoản 200.000 đồng tiền công vào tài khoản của P.

* *Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Vương Đình P: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S9, vỏ màu đen đã qua sử dụng.*

* *Tại Kết luận giám định số 1133/KL-KTHS ngày 06/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Không tìm thấy dữ liệu hình ảnh, video, âm thanh, cuộc gọi đến, cuộc gọi đi, tin nhắn đến, đi liên quan đến mua bán tiền giả trong điện thoại trên.*

Như vậy, từ tháng 11/2023 đến tháng 12/2023, Vương Đình P đã có hành vi 05 lần chỉnh sửa các File hình ảnh tiền giả theo yêu cầu của Trương Hoàng A và được A trả cho 940.000 đồng tiền công. Từ các File ảnh tiền giả do P chỉnh sửa, A đã làm ra 33.500.000 đồng tiền giả để tàng trữ, bán cho các đối tượng khác.

3. Hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả của Lê Đức T, sinh năm 1999 (trú tại Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở gác D, ngõ A, đường M, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội)

Khoảng tháng 8/2023, Lê Đức T nảy sinh ý định mua tiền giả để lưu hành; T thấy Trương Hoàng A đăng thông tin bán tiền giả trên mạng xã hội, nên đã sử dụng tài khoản Telegram “Trung Le” của mình để liên hệ với tài khoản T4 “Ngọc Ân” và “Ân” của A hỏi mua tiền giả. T và A thỏa thuận A sẽ gửi tiền giả cho T qua các đơn vị chuyển phát theo hình thức giao hàng thu tiền hộ (Ship COD) hoặc Trung chuyển tiền mua tiền giả vào tài khoản do A cung cấp; T không được kiểm tra hàng trước khi thanh toán. Sau đó, T cung cấp cho A thông tin, địa chỉ nhận hàng tại nơi ở của T và số điện thoại 0705.246.261 để A tạo đơn hàng. Ban đầu, A thỏa thuận bán tiền giả cho T theo tỷ lệ 1:4, nhưng sau đó thấy T nhiều lần mua tiền giả và chuyển trả tiền trước, nên A gửi tiền giả cho T không theo tỷ lệ cụ thể mà lớn hơn tỷ lệ thỏa thuận ban đầu.

Từ tháng 9/2023 đến tháng 01/2024, T đã 20 lần chuyển tổng số tiền 11.100.000 đồng từ tài khoản số 0869796491 của mình mở tại V1 đến tài khoản số 100029352657 mang tên Trang Anh T5 mở tại W (do A quản lý, sử dụng) để mua tiền giả: Ngày 07/9/2023 chuyển 300.000 đồng; ngày 13/9/2023 chuyển 500.000 đồng; ngày 25/9/2023 chuyển 1.000.000 đồng; ngày 30/9/2023 chuyển 1.500.000 đồng; ngày 03/10/2023 chuyển 300.000 đồng; ngày 05/10/2023 chuyển 400.000 đồng; ngày 09/10/2023 chuyển 500.000 đồng; ngày 13/10/2023 chuyển 500.000 đồng; ngày 17/10/2023 chuyển 500.000 đồng; ngày 07/11/2023 chuyển 500.000 đồng; ngày 10/11/2023 chuyển 500.000 đồng; ngày 13/11/2023 chuyển 1.000.000 đồng; ngày 17/11/2023 chuyển 500.000 đồng; ngày 30/11/2023 chuyển 400.000 đồng; ngày 04/12/2023 chuyển 500.000 đồng; ngày 25/12/2023 chuyển 400.000 đồng; ngày 04/01/2024 chuyển 400.000 đồng; ngày 10/01/2024 chuyển 500.000 đồng; ngày 13/01/2024 chuyển 500.000 đồng; ngày 24/01/2024 chuyển 400.000 đồng). Ngoài ra, T còn thanh toán tiền mua tiền giả cho A qua hình thức đơn vị chuyển phát thu tiền hộ, với số tiền đã thanh toán là 2.950.000 đồng; tổng cộng T đã dùng 14.050.000 đồng tiền thật để mua tiền giả của A. Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 04/01/2024, A đã gửi cho T 15 đơn hàng tiền giả, trong đó A

trực tiếp tạo 13 đơn hàng gửi cho T (12 đơn hàng gửi qua dịch vụ giao hàng nhanh, 01 đơn hàng gửi qua dịch vụ giao hàng V); 01 đơn hàng do A tạo đơn và bảo Nguyễn Thị T1 gửi cho T; 01 đơn hàng A bảo Phạm Đình V gửi tiếp cho T vì V từ chối nhận đơn hàng. Nhận được các đơn hàng tiền giả, T không ghi chép nên không xác định được chính xác số lượng tiền giả A đã gửi cho T trong từng đơn hàng.

Sau khi mua được tiền giả của A, do thấy tiền có hình thức xấu, không giống tiền thật nên T sử dụng tài khoản Telegram tên “Trung Le”, giao bán lại số tiền giả này trên mạng xã hội; T sử dụng các thông tin gồm số điện thoại 0705.246.261, số tài khoản 108870559298 của T mở tại V2 để đăng ký mở tài khoản tại Công ty Cổ phần D3. Khi gửi tiền giả, T đều đóng gói hàng và ghi là hàng tiêu dùng thông thường; T thỏa thuận với người mua không được kiểm tra hàng trước khi nhận hàng và thanh toán khi nhận hàng qua đơn vị vận chuyển thông qua hình thức giao hàng có thu tiền hộ (ship COD). Từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, T đã trao đổi, tạo và gửi 17 đơn hàng tiền giả cho 07 người ở nhiều tỉnh, thành phố qua dịch vụ chuyển phát của Công ty cổ phần D3 hàng nhanh:

- Ngày 13/11/2023 T bán cho Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2003 (trú tại Khu S, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) 01 đơn hàng có 3.500.000 đồng tiền giả để H tàng trữ, lưu hành.

- Ngày 27/11/2023, T bán cho người sử dụng tài khoản Telegram “NSG” (thông tin nhận đơn hàng là Quốc A1, số điện thoại 0327.000.444, địa chỉ ngõ A, H, T, Thái Nguyên; mã vận đơn G8CFUKPA) số tiền giả là 3.950.000 đồng; T hưởng lợi 1.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh các thông tin do đối tượng mua tiền giả cung cấp cho T nhưng không xác định được người đã mua số tiền giả trên.

- Ngày 27/11/2023, T bán cho người sử dụng tài khoản Telegram “Hoang My” (thông tin nhận đơn hàng là Sơn H3, số điện thoại 0886.860.254, địa chỉ số A, khu dân cư D, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương) số tiền giả là 3.900.000 đồng; T hưởng lợi 1.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh các thông tin do đối tượng mua tiền giả cung cấp cho T nhưng không xác định được người đã mua số tiền giả trên.

- Ngày 04/12/2023, T bán cho Trần Trung T11, sinh năm 2004 (trú tại Số nhà G Tổ D, Khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang), T11 sử dụng tài khoản Telegram “Memory”; thông tin nhận đơn hàng là Trần Văn T12, số điện thoại 065.813.207; địa chỉ Trường Đại học C1, QL1A, ấp P, L, Vĩnh Long) số tiền giả là 4.600.000 đồng; T hưởng lợi 2.000.000 đồng. T11 khai sau khi mua số tiền giả trên của T, do sợ vi phạm pháp luật nên T11 đã đốt bỏ hết.

- Trong các ngày 23 và 26/01/2024, T bán cho Trần Đức T3, sinh năm 2000 (trú tại Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) 02 đơn hàng gồm 6.800.000 đồng tiền giả; T hưởng lợi 1.200.000 đồng. T3 đã tàng trữ, lưu hành số tiền giả trên.

- Ngày 25/01/2024, T bán cho Nguyễn Xuân L1, sinh năm 2006 (trú tại Thôn Ô, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế) 2.300.000 đồng tiền giả; T hưởng lợi 500.000 đồng.

- Ngày 26/01/2024, T bán cho người sử dụng tài khoản Telegram “Lam Diu” (thông tin nhận đơn hàng là Diu Lam, số điện thoại 0932.082.731, địa chỉ Căn hộ CBD Premium, A Đ, Thanh Mỹ L2, thành phố Hồ Chí Minh) số tiền giả là 1.600.000 đồng; T hưởng lợi 500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh các thông tin do đối tượng mua tiền giả cung cấp cho T nhưng không xác định được người mua số tiền giả trên.

* *Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Đức T, Cơ quan điều tra đã tạm giữ:* 273 tờ tiền Việt Nam giả cất giấu trong tủ quần áo tại nơi ở của T, tổng giá trị là 54.300.000 đồng (59 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 77 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 51 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 86 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng). 102 tờ tiền giống tờ mệnh giá 20 EURO, trên các tờ tiền đều có dãy chữ, số “UC 1366259581”, “259581” và chữ “COPY”. 200 tờ tiền giống tờ mệnh giá 100 đô la (USD), trên các tờ tiền đều có dãy chữ, số “K1 12340000 A” và chữ “COPY”. 01 máy tính nhãn hiệu ACER, màu đen đã qua sử dụng có kèm theo 01 bộ sạc. 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu đen, đã qua sử dụng. 01 hộp bìa cát tông, trên hộp dán một tờ giấy màu trắng có in thông tin mã vận đơn SPXVN049840332733; mã đơn hàng 240309J41HHT5G, người nhận Lê Đức T, số D, ngõ A, M, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội; tình trạng hộp đã được mở dọc theo thân hộp, vết rách nham nhở. 01 túi bóng màu đỏ. 01 hộp bìa màu xanh, bên trên có chữ “LAMINATING FILM”. 11 tờ giấy kính màu trắng.

* *Kết luận giám định:*

- Kết luận giám định số 463/KL-KTHS ngày 27/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: 273 tờ tiền tạm giữ của Lê Đức T là tiền giả.

- Kết luận giám định số 471/KL-KTHS ngày 15/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro M, vỏ màu xanh, tìm thấy 4.348 cuộc gọi đi, đến (qua SIM, Z, F); 35.383 tin nhắn đi, đến (qua SIM, Z, Facebook M1; 688 ảnh chụp màn hình hiển thị tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Telegram (dữ liệu từ tháng 08/2024 đến ngày 19/3/2024), có liên quan đến việc trao đổi mua bán tiền giả); 46 tệp tin âm thanh, 6.857 tệp tin hình ảnh, 451 tệp tin video. Đối với máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu ACER Nitro 5, tìm thấy 3.638 tệp tin hình ảnh, 616 tệp tin video (các nội dung liên quan đến hành vi vi phạm của T đã được in và lưu theo hồ sơ vụ án).

Như vậy, từ ngày 07/9/2023 đến ngày 04/01/2024, Lê Đức T đã có hành vi dùng 14.050.000 đồng tiền thật để mua của Trương Hoàng Á 15 đơn hàng tiền giả, tổng số tiền giả Á đã giao cho T là 80.950.000 đồng. T đã bán 26.650.000 đồng tiền giả cho 07 đối tượng (hưởng lợi số tiền là 7.200.000 đồng); tàng trữ 54.300.000 đồng tiền giả. Số tiền được hưởng lợi từ hành vi lưu hành tiền giả T đã chi tiêu cá nhân hết.

4. Hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả của Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984 và Dương Văn T2, sinh năm 1981 (cùng trú tại Tổ A, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở Tổ B, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng)

Khoảng tháng 11/2023, Nguyễn Thị T1 sử dụng tài khoản Facebook “Nhà May Truyền N2” của mình kết bạn với tài khoản “Hà N” của Trương Hoàng A hỏi mua tiền giả. A đồng ý bán và hướng dẫn T13 lập tài khoản Telegram “Hong Ngọc” để kết bạn, nhắn tin với tài khoản Telegram của A (hiện không xác định được tài khoản Telegram này) trao đổi, mua bán tiền giả. A và T13 thỏa thuận tỷ lệ mua bán tiền giả là 1:3; Truyền chuyển khoản tiền vào số tài khoản do A cung cấp hoặc thanh toán khi nhận được đơn hàng tiền giả do A gửi đến qua các đơn vị vận chuyển. T13 đồng ý, cung cấp cho A thông tin nhận đơn hàng tiền giả là “Ngọc, số điện thoại 0707577678, địa chỉ B Đường M, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng”.

Ngày 29/11/2023, T13 nhận được đơn hàng tiền giả do A gửi qua dịch vụ Giao hàng nhanh. Sau khi thanh toán cho nhân viên của Công ty giao hàng số tiền 250.000 đồng (200.000 đồng tiền hàng, 50.000 đồng phí vận chuyển); Truyền kiểm tra gói hàng thấy bên trong có 600.000 đồng gồm 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, có màu sắc, hình in không rõ nét, T13 nhắn tin phản ánh lại với A và được A hẹn sẽ gửi bù cho T13 số tiền giả khác. Trong các ngày 01 và 03/12/2023, T13 nhận được 02 đơn hàng tiền giả do A gửi qua Dịch vụ giao hàng nhanh, T13 không phải trả thêm tiền cho A mà chỉ thanh toán tiền phí vận chuyển cho nhân viên giao hàng. Sau đó, T13 mang 02 gói hàng về nơi ở, mở ra kiểm tra thấy có nhiều tờ kính trắng kích thước A4, trên mỗi tờ có in 04 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng; T13 làm theo hướng dẫn A, dùng kéo cắt rời các tờ tiền, được 24 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng, tương ứng với số tiền 4.800.000 đồng giả.

Quá trình T13 cắt rời các tờ tiền giả tại phòng ngủ, Dương Văn T2 (là chồng của T13) nhìn thấy và T13 nói cho T2 biết việc T13 mua tiền giả để lưu hành, T2 đồng tình với T13. Sau đó, T13 cất giấu số tiền giả dưới chiếu trong phòng ngủ của vợ chồng T13, rồi T2 và T13 cùng mang số tiền này đi lưu hành. Trong đó, T13 khai khi mang tiền giả đi lưu hành, những người bán hàng nghi ngờ, không nhận tiền giả nên T13 không lưu hành được; T2 khai đã sử dụng 4, 5 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để mua hàng của những người bán hàng rong (không biết tên tuổi, địa chỉ), số hàng hoá đã mua và số tiền thật được trả lại là bao nhiêu đến nay T2 không nhớ, T2 đã sử dụng và chi tiêu hết. Số tiền giả còn lại T13 và T2 vẫn tàng trữ tại nơi ở.

Ngày 05/12/2023, A nhắn tin đề nghị T13 chuyển cho A trước số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản số 100029352657 mang tên Trang Anh T5 mở tại W cho A để A sửa máy in, sau đó A sẽ làm và gửi cho T13 số tiền giả tương ứng. T13 đồng ý và đưa 3.000.000 đồng cùng số tài khoản trên cho T2 để chuyển theo đề nghị của A; T2 đã đưa số tiền này và nhờ anh Phạm Xuân T14, sinh năm 1996 (trú tại Thôn I, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú tại số E, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng) sử dụng tài khoản số 380167899 của anh T14 mở tại M2 chuyển số tiền trên cho A, nội dung chuyển tiền là “bé ngọc chuyển tiền” (anh T14 không biết việc T2 và T13 mua tiền giả).

Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 22/01/2024, T13 chuyển tiếp 3.000.000 đồng từ tài khoản của T13 đến tài khoản do Á để mua tiền giả. Trong đó, chuyển 1.000.000 đồng từ tài khoản số 2003206213345 mở tại A2 đến tài khoản 100029352657 mở tại W mang tên Trang Anh T5 (ngày 15/12/2023 chuyển 400.000 đồng, ngày 21/12/2023 chuyển 300.000 đồng, ngày 11/01/2023 chuyển 300.000 đồng); chuyển 2.000.000 đồng từ tài khoản số 098635036804 mở tại M2 đến tài khoản số 1017153677 của Á mở tại ngân hàng S (ngày 02/01/2024 chuyển 1.000.000 đồng, ngày 03/01/2024 chuyển 400.000 đồng, ngày 05/01/2024 chuyển 300.000 đồng, ngày 22/01/2024 chuyển 300.000 đồng). Sau khi nhận số tiền trên, Á đã tạo và gửi cho T13 thêm 09 đơn hàng tiền giả, trong đó T13 trực tiếp nhận 06 đơn hàng (gồm các đơn hàng nhận ngày 06, 07, 09, 12, 14 và 19/12/2023). Khoảng cuối tháng 12/2023, T13 đi vắng, không có mặt tại nơi ở nên không trực tiếp nhận các đơn hàng tiền giả được, T13 đã cung cấp số điện thoại 0948.234.914 của T2 và địa chỉ nhận hàng cho Á để T2 nhận 03 đơn hàng tiền giả (gồm đơn hàng nhận ngày 25/12/2023, địa chỉ nhận hàng: số A đường C, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng; đơn hàng ngày 28/12/2023 địa chỉ nhận hàng: số A, đường C, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng; đơn hàng ngày 29/12/2023 địa chỉ nhận hàng: 125 V, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng). Khi nhận các đơn hàng này, T2 không mở ra kiểm tra mà chuyển lại cho T13 kiểm đếm, ghi chép. Tổng số tiền T13 và T2 đã thanh toán cho nhân viên giao hàng đối với 09 đơn hàng này là 500.000 đồng.

Quá trình mua tiền giả của Á, T13 ghi chép thông tin vào 02 tờ giấy trong cuốn sổ phục vụ công việc may đo của T13 và ghi vào mặt sau của 01 tờ giấy lịch, thể hiện tổng số tiền giả T13 đã nhận được từ Á là 48.400.000 đồng. Sau đó Á tạo đơn hàng và bảo T13 gửi cho khách hàng của Á 05 đơn hàng, tổng số tiền giả T13 đã gửi là 8.000.000 đồng; T13 không trực tiếp liên hệ với người mua mà thực hiện việc gửi tiền giả theo các đơn hàng đã được Á tạo sẵn; Truyền không xác định được chính xác số tiền đã gửi cho khách hàng của Á đối với từng đơn hàng cụ thể. Có 3.600.000 đồng tiền giả in hỏng, lỗi, không rõ nét, T13 đã hủy bỏ. Số tiền giả còn lại T13 và T2 cất giấu trên nóc tủ trong phòng ngủ tại nơi ở. Từ tháng 11/2023 đến tháng 3/2024, T2 khai đã sử dụng khoảng 30 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để mua hàng hoá của những người bán hàng rong (không biết tên, tuổi, địa chỉ), số hàng hoá và tiền thật chiếm đoạt được, T2 và T13 đã sử dụng, chi tiêu hết. Số tiền giả còn lại do khó lưu hành, T2 và T13 khai đã hủy bỏ, nhưng vẫn còn sót lại 03 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng trên nóc tủ.

* *Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị T1, Dương Văn T2:* Cơ quan điều tra đã tạm giữ 03 tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 200.000 đồng, trong đó 02 tờ có số sê ri “PR 21052077”, 01 tờ có số sê ri “PR 21052066”. 01 tờ lịch phía sau có nhiều chữ viết tay. 01 quyển sổ Hồng Hà bên trong có nhiều trang có chữ viết tay, trong đó có 02 trang có nội dung chi chép liên quan đến việc mua bán tiền giả. 33 tờ bóng kính trắng. 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu vàng đồng đã qua sử dụng.

* *Giám định đối với các đồ vật, tài liệu tạm giữ của T1 và D1:*

- Kết luận giám định số 1003/KL-KTHS, ngày 28/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: 03 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị T1 là tiền giả.

- Kết luận giám định số 1054/KL-KTHS ngày 15/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Chữ viết tại 01 tờ lịch kích thước A4, mặt trước in thông tin tờ lịch ngày 30/6/2020, mặt sau có nhiều chữ viết tay mực bút bi màu xanh và 01 quyển sổ kích thước A4, bìa màu đỏ nhãn hiệu Hồng Hà, bên trong giấy trắng có dòng kẻ ngang, có nhiều trang bị rách, không có chữ, có trang có chữ viết tay, sổ đã qua sử dụng được đánh số từ 01 đến 148 là chữ viết của Nguyễn Thị T1.

- Kết luận giám định số 1023/KL-KTHS ngày 20/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh T đối với 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max màu vàng đồng tạm giữ của Nguyễn Thị T1: Trong thời gian từ 01/11/2023 đến ngày 26/7/2024, tìm thấy 355 cuộc gọi đi, đến qua Sim; 5.614 cuộc gọi đi, đến qua ứng dụng Zalo; 856 cuộc gọi đi, đến qua ứng dụng Facebook Messenger; 948 tin nhắn SMS đi, đến; 18.777 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Zalo; 2.760 tin nhắn đi, đến qua ứng dụng Facebook Messenger; chụp được 04 hình ảnh màn hình hiện thị tin nhắn qua ứng dụng Telegram; không tìm thấy dữ liệu cuộc gọi qua ứng dụng Telegram.

Như vậy, từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, Nguyễn Thị T1 và Dương Văn T2 đã có hành vi sử dụng 6.750.000 đồng tiền thật để mua 48.400.000 đồng tiền giả của Trương Hoàng A, nhằm mục đích tàng trữ, lưu hành (không xác định được số lượng tiền giả mà T1 và T2 đã lưu hành, số tiền được hưởng lợi là bao nhiêu).

5. Hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả của Nguyễn Thành L, sinh năm 2003 (trú tại N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; chỗ ở 89b B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương)

Khoảng giữa tháng 12/2023, Nguyễn Thành L sử dụng tài khoản Facebook “Luân Đôn” của mình nhắn tin trao đổi với tài khoản Facebook của Trương Hoàng A (không nhớ tên hiển thị) hỏi mua tiền giả. A đồng ý bán và hướng dẫn L lập tài khoản Telegram “lubman vu” để kết bạn, trao đổi việc mua bán tiền giả với tài khoản T4 “To Kuda” của A; đồng thời thoả thuận mua bán tiền giả theo tỉ lệ 1:4 (1.000.000 đồng tiền thật sẽ được 4.000.000 đồng tiền giả) và A sẽ gửi tiền giả qua dịch vụ chuyển phát thu tiền hộ (S1), L phải thanh toán tiền trước khi nhận hàng. L đồng ý và đặt mua 400.000 đồng tiền giả của A, cung cấp thông tin nhận hàng tại G B, phường T, Thành phố H, tỉnh Hải Dương, số điện thoại 0923.445.147.

Ngày 16/12/2023, A tạo đơn hàng và gửi tiền giả cho L; khi nhận hàng, L thanh toán cho nhân viên giao hàng 130.000 đồng (30.000 đồng phí vận chuyển, 100.000 đồng tiền hàng thu hộ). Luân mang gói hàng về nơi ở, mở ra kiểm tra thấy bên trong có 700.000 tiền giả (01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng). L cất giấu số tiền giả này trong tủ đồ cá nhân của L, không nói cho ai biết. Ngày 29/12/2023, L tiếp tục nhắn tin cho A qua Telegram đặt mua 2.800.000 đồng tiền giả, L cung cấp cho A số điện thoại 0923.445.147 và địa chỉ nhận hàng tại nơi ở của L. Sau khoảng 4 ngày, L nhận được đơn hàng

tiền giả do A gửi; khi nhận hàng, L thanh toán cho nhân viên giao hàng số tiền 730.000 đồng (30.000 đồng phí vận chuyển, 700.000 đồng tiền hàng thu hộ). Luân mang gói hàng về nơi ở, mở ra kiểm tra thấy bên trong có 2.800.000 tiền giả, gồm mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng (không nhớ số lượng cụ thể); L cất giấu số tiền giả này trong tủ đồ cá nhân của L cùng với số tiền giả đã mua ngày 16/12/2023. Sau đó, L đăng bài rao bán tiền giả trong các hội nhóm trên mạng xã hội Facebook và L đã 02 lần bán tiền giả cho các đối tượng hỏi mua:

- Ngày 05/01/2024, L bán cho Đinh Tấn D2, sinh năm 1995 (trú tại Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận) 1.000.000 đồng tiền giả; L hưởng lợi 500.000 đồng. D2 khai do thấy tiền giả chất lượng kém, khó lưu hành nên D2 đã vứt bỏ xuống sông ở gần nơi ở.

- Khoảng giữa tháng 01/2024, L bán 2.500.000 đồng tiền giả cho một người đàn ông không quen biết tại khu vực Công viên B, thành phố H. L được hưởng lợi 1.000.000 đồng.

* *Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Nguyễn Thành L*: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy Note 20 Ultra 5G, số IMEI 355857115097481, màu hồng, màn hình bị vỡ, máy đã qua sử dụng.

* *Kết luận giám định số 1299/KL-KTHS ngày 23/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận*: Không khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong điện thoại đã tạm giữ của Nguyễn Thành L.

Như vậy, Trong tháng 12/2023, Nguyễn Thành L đã có hành vi mua 3.500.000 đồng tiền giả của Trương Hoàng A. Sau đó L đã bán tiền giả cho 02 cá nhân; hưởng lợi số tiền là 1.500.000 đồng.

6. Hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả của Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2003 (trú tại khu S, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam)

Khoảng tháng 10/2023, biết Trương Hoàng A giao bán tiền Việt Nam giả trên mạng xã hội, Nguyễn Ngọc H đã sử dụng tài khoản Telegram “Nguyễn Ngọc H” nhắn tin với tài khoản Telegram tên “Ẩn” hoặc “Ngọc Ẩn” của A để hỏi mua tiền giả, A đồng ý bán và thỏa thuận tỷ lệ là 1:3, hình thức giao hàng qua đơn vị vận chuyển và thu hộ, không được kiểm tra hàng trước khi thanh toán. H đồng ý và đặt mua của A 3.000.000 đồng tiền giả, đồng thời cung cấp thông tin nhận hàng cho A là “Huy, số điện thoại 0985.039.561, địa chỉ 12 H, Khu Ê, C, Đà Nẵng”. Ngày 27/10/2023, A tạo đơn hàng và gửi tiền giả cho H qua dịch vụ giao hàng nhanh; khi nhận được đơn hàng này, H đã thanh toán số tiền 1.030.000 đồng cho nhân viên giao hàng (1.000.000 đồng tiền hàng thu hộ, 30.000 đồng phí vận chuyển). H mang gói hàng về phòng trọ kiểm tra, thấy bên trong có 3.000.000 đồng tiền giả, gồm các tờ tiền mệnh có giá 50.000 đồng, 100.000 đồng, 200.000 đồng (không nhớ số lượng từng loại cụ thể). Các tờ tiền giả này có số sê ri trùng nhau, màu sắc không giống tiền thật, đều bị in lỗi, hỏng, nên H chụp ảnh số tiền này gửi cho A và yêu cầu A gửi lại tiền giả khác, A đồng ý. H khai sau đó đã đốt bỏ hết số tiền giả bị lỗi này.

Khoảng hơn một tuần sau, không thấy A gửi lại khoản tiền giả khác, H nhắn tin hỏi và được A cho tài khoản Telegram “Trung Le” của Lê Đức T để liên hệ

lấy tiền giả, nhưng khi H nhắn tin trao đổi thì T không đồng ý gửi bù hàng hộ A mà chỉ bán tiền giả cho H theo tỷ lệ 1:3; H đồng ý mua 1.000.000 đồng tiền thật để lấy tiền giả và cung cấp thông tin nhận hàng cho T. Ngày 17/11/2023, H nhận được đơn hàng tiền giả do T gửi qua dịch vụ giao hàng; H thanh toán cho nhân viên giao hàng 1.030.000 đồng (1.000.000 đồng tiền hàng thu hộ, 30.000 đồng phí vận chuyển). H mang hộp hàng về phòng trọ kiểm tra, thấy trong hộp có 3.500.000 đồng tiền giả (25 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 05 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng). H khai khi nhận tiền giả, thấy một số tờ tiền màu sắc mờ, không thể lưu hành được nên H đốt bỏ (không xác định được số lượng cụ thể); số tiền giả còn lại H cất giấu trong phòng trọ của mình. Từ ngày 17/11/2023 đến cuối tháng 11/2023, H đã sử dụng 1.300.000 đồng tiền giả (04 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 05 tờ mệnh giá 100.000 đồng) để mua hàng rong của những người không quen biết.

Cuối tháng 11/2023, H chuyển đến ở cùng chị gái là Nguyễn Thị D, sinh năm 2001 (Số nhà F, P, Tổ G, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng). Lợi dụng lúc chị D không để ý, H đã lấy 02 tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng đổi lấy 02 tờ tiền thật mệnh giá 100.000 đồng trong ví của chị D. Sau đó chị D phát hiện trong ví của mình có 02 tờ tiền giả, nhưng không biết là do H đổi, chị D đã vứt bỏ 02 tờ tiền giả này vào thùng rác. Ngoài ra, H còn sử dụng 02 tờ tiền giả mệnh giá 100.000 đồng để thanh toán tiền mua nước uống (đặt hàng online) cho một người giao hàng và được người này trả lại khoảng 30.000 đồng tiền thật. Sau đó, người giao hàng phát hiện số tiền H trả là tiền giả nên gọi điện lại yêu cầu H trả tiền khác, do sợ bị phát hiện H đã chuyển khoản trả đủ tiền cho người giao hàng (H không lấy lại số tiền giả đã lưu hành trên). Đối với số tiền giả còn lại, H khai đã đốt bỏ hết.

Như vậy, trong ngày 17/11/2023, Nguyễn Ngọc H đã có hàng vi mua 3.500.000 đồng tiền giả của Lê Đức T và tàng trữ tại nơi ở của mình. Sau đó H đã lưu hành 1.700.000 đồng tiền giả; số tiền giả còn lại H đã huỷ bỏ, không thu giữ được.

7. Hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả của Trần Đức T3, sinh năm 2000 (trú tại Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở số nhà D, ngách D, ngõ E, đường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội)

Khoảng tháng 01/2024, Trần Đức T3 nảy sinh ý định mua tiền giả để lưu hành; T3 sử dụng tài khoản Telegram “H” tìm kiếm thông tin và đã nhắn tin với tài khoản T4 “Trung Le” của Lê Đức T hỏi mua tiền giả. T đồng ý bán và thỏa thuận với T3 tỷ lệ mua bán tiền giả là 1:5, T sẽ gửi tiền giả cho T3 qua dịch vụ chuyển phát thu tiền hộ (S1). Ngày 23/01/2024, T3 đặt mua của T 5.000.000 đồng tiền Việt Nam giả loại mệnh giá 500.000 đồng và cung cấp thông tin nhận hàng cho T là “Kiều Thuý, số điện thoại 0396.093.841, địa chỉ 39, D, quận C, Thành phố Hà Nội, gần nơi T3 làm việc”. Sau khoảng 2 - 3 ngày, T3 nhận được đơn hàng do T gửi và thanh toán cho nhân viên giao hàng 1.030.000 đồng (1.000.000 đồng tiền hàng thu hộ, 30.000 đồng phí vận chuyển); T3 mang gói hàng về nơi ở, mở ra kiểm tra thấy bên trong có 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, màu sắc nhạt hơn,

dày hơn tiền thật. T3 cất giấu số tiền này trong phòng ngủ của mình, không nói cho ai biết.

Do thấy tờ tiền giả loại 500.000 đồng có mệnh giá cao, hình thức không giống tiền thật, khó tiêu thụ, nên ngày 26/01/2024 T3 nhắn tin trao đổi nội dung này với T và T đã bảo T3 mua thêm tiền giả loại mệnh giá 200.000 đồng cho dễ tiêu thụ, T3 đồng ý và đặt mua 200.000 đồng tiền thật để lấy tiền giả loại 200.000 đồng; T3 cung cấp T địa chỉ nhận hàng tại V T, quận C, Thành phố Hà Nội. Sau khoảng 3 ngày thì T3 nhận được đơn hàng tiền giả do T gửi đến qua dịch vụ chuyển phát; T3 thanh toán 230.000 đồng cho nhân giao hàng (200.000 đồng tiền hàng thu hộ và phí vận chuyển). T3 mang gói hàng về nơi ở kiểm tra, thấy bên trong có 1.800.000 đồng tiền giả, gồm 09 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. T3 cất số tiền giả này vào tủ cùng với 5.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng mua lần trước. T3 khai sau đó đã mang tiền giả đi lưu hành được 1.400.000 đồng (02 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng), bằng cách mua hàng của những người bán hàng rong (không quen biết những người này). Số tiền giả 5.400.000 đồng còn lại, T3 cất giấu tại nơi ở của mình.

** Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Trần Đức T3: 15 tờ tiền Việt Nam giả, trị giá 5.400.000 đồng (08 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 07 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng). 01 điện thoại di động Galaxy Note 10, máy cũ đã qua sử dụng.*

** Kết luận giám định số 840/KL-KTHS ngày 24/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: 15 tờ tiền Việt Nam thu giữ của Trần Đức T3 là tiền giả.*

Như vậy, trong tháng 01/2024, Trần Đức T3 đã mua của Lê Đức T 6.800.000 đồng tiền giả, đã lưu hành được 1.400.000 đồng, còn 5.400.000 đồng T3 tàng trữ tại nơi ở của mình và bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Trương Hoàng A, Vương Đình P, Lê Đức T, Trần Đức T3, Nguyễn Thị T1, Dương Văn T2, Nguyễn Thành L và Nguyễn Ngọc H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản khám xét khẩn cấp; Vật chứng thu giữ; Kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 04/CT-VKSTQ-P1 ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố:

- Bị cáo Trương Hoàng Ân về tội Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả, theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Lê Đức Trung về tội Tàng trữ, lưu hành tiền giả, theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Vương Đình Phong về tội Làm tiền giả, theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung, Trần Đức Tuấn về tội Tàng trữ, lưu hành tiền giả, theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Thành Luân về tội Tàng trữ, lưu hành tiền giả, theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Hoàng Ân phạm tội “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Bị cáo Lê Đức Trung phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”; Bị cáo Vương Đình Phong phạm tội “Làm tiền giả”; các bị cáo Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung, Trần Đức Tuấn phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”; các bị cáo Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Thành Luân phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Hoàng Ân từ 17 năm đến 18 năm tù về tội “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả”, từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 20 năm đến 22 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức Trung từ 11 năm đến 12 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt *tạm giam* ngày 20/3/2024.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vương Đình Phong từ 05 năm đến 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt *tạm giam* ngày 13/8/2024.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Truyền từ 08 năm đến 09 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt *tạm giam* ngày 28/7/2024.

+ Xử phạt bị cáo Dương Văn Trung từ 06 năm đến 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Huy 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt *tạm giam* ngày 23/9/2024.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Đức Tuấn 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Luân 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Đức Tuấn, Nguyễn Thành Luân cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Truy thu của các bị cáo Trương Hoàng Ân 83.955.866 đồng, Dương Văn Trung 6.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc Huy 1.700.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu của các bị cáo Lê Đức Trung 7.200.000 đồng, Nguyễn Thành Luân 1.500.000 đồng, Trần Đức Tuấn 1.400.000 đồng, Vương Đình Phong 940.000 đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước điện thoại di động đã thu giữ của các bị cáo Trương Hoàng Ân, Nguyễn Thị Truyền, Lê Đức Trung, Trần Đức Tuấn, Nguyễn Thành Luân.

Tịch thu để sung công quỹ Nhà nước các đồ vật là máy tính xách tay, máy sấy, máy ép Plastic, máy in thu giữ của bị cáo Ân.

3. Trả lại cho bị cáo Vương Đình Phong 01 điện thoại di động, trả cho Lê Đức Trung 01 máy tính nhãn hiệu ACER, kèm theo 01 bộ sạc, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

4. Các vật chứng còn lại là Căn cước công dân tên Trang Anh Tuấn, tiền giả, giấy bóng kính, túi nilon, 01 tờ giấy lịch, 01 quyển sổ... đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra, đại diện viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đức Trung trình bày luận cứ: Nhất trí với tội danh Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

Chủ tọa công bố bài luận cứ của Luật sư Võ Tuấn Vĩnh Thuy bào chữa cho bị cáo Trương Hoàng Ân: Nhất trí với tội danh Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giúp đỡ cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ nội dung vụ án; bị cáo bị bệnh rất nặng theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

Bị cáo Lê Đức Trung nhất trí với quan điểm bào chữa của luật sư, không bổ sung thêm ý kiến gì. Các bị cáo không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng, đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất để có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, hành vi của các bị cáo còn được chứng minh bằng kết quả trưng cầu giám định, tang vật thu giữ; sao kê tài khoản ngân hàng; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 01/2024, Trương Hoàng Ân, đã mua các thiết bị, dụng cụ để làm tiền Việt Nam giả. Sau đó Ân thuê Vương Đình Phong, sinh năm 1996 (trú tại Xóm 6, xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An) chỉnh sửa các File hình ảnh tiền giả cho giống với tiền thật; khi nhận được các File hình ảnh tiền giả do Phong gửi, Ân tiến hành tự làm tiền giả tại nhà mình. Thông qua mạng xã hội, Ân đã giao bán tiền giả cho nhiều đối tượng trên địa bàn cả nước, trong đó có Lê Đức Trung, sinh năm 1999 (trú tại Tổ dân phố Phú Nghĩa, thị trấn Lộc Hà, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở ngách 49, ngõ 14, đường Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội); Nguyễn Thành Luân, sinh năm 2003 (trú tại Ninh Cháp 7, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; chỗ ở 89b Bạch Đằng, phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương); Nguyễn Thị Truyền, sinh năm 1984 và Dương Văn Trung, sinh năm 1981 (cùng trú tại Tổ 13, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở Tổ 26, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng) đã mua tiền giả của Ân để tàng trữ, lưu hành. Nguyễn Ngọc Huy, sinh năm 2003 (trú tại khu Song Mỹ, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam); Trần Đức Tuấn, sinh năm 2000 (trú tại Tổ dân phố An Kỳ, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở số nhà 4, ngách 44, ngõ 58, đường Đào Tấn, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội) đã mua tiền giả của Lê Đức Trung để tàng trữ, lưu hành. Cụ thể:

1. Từ tháng 6/2023 đến tháng 01/2024, Trương Hoàng Ân đã có hành vi làm 211.550.000 đồng tiền giả tại nhà mình (gồm các loại tiền có mệnh giá từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng). Sau đó Ân đã bán cho 80 cá nhân ở địa bàn các tỉnh, thành trong cả nước. Số tiền giả Ân đã bán xác định được là 201.150.000 đồng, hưởng lợi 83.955.866 đồng.

Để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, Ân đã có hành vi mua 01 CCCD giả số 079096012761 được đăng ký và mang thông tin Trang Anh Tuấn, sinh ngày 26/7/1996; quê quán Phong Phú, Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú 139/2 Gia Phú, phường 01, quận 06, Thành phố Hồ Chí Minh, để đăng ký thông tin tại các đơn vị vận chuyển để lưu hành tiền giả.

2. Từ ngày 13/11/2023 đến ngày 22/11/2023, Vương Đình Phong đã có hành vi 05 lần chỉnh sửa các File hình ảnh tiền giả mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng, 500.000 đồng theo yêu cầu của Trương Hoàng Ân và được Ân trả công 940.000 đồng. Từ các File hình ảnh tiền giả do Phong chỉnh sửa, Ân đã làm ra 33.500.000 đồng tiền giả để tàng trữ, lưu hành.

3. Từ ngày 07/9/2023 đến ngày 04/01/2024, Lê Đức Trung đã có hành vi sử dụng 14.050.000 đồng tiền thật để mua 80.950.000 đồng tiền giả của Trương Hoàng Ân. Sau đó Trung đã bán 26.650.000 đồng tiền giả cho 07 người; số tiền giả 54.300.000 đồng còn lại Trung tiếp tục tàng trữ mục đích để lưu hành.

4. Từ ngày 29/11/2023 đến ngày 29/12/2023, Nguyễn Thị Truyền cùng chồng là Dương Văn Trung đã có hành vi mua 48.400.000 đồng tiền giả của Trương Hoàng Ân và cất giấu tại nơi ở để lưu hành.

5. Trong tháng 12/2023, Nguyễn Thành Luân đã có hành vi mua 3.500.000 đồng tiền giả của Trương Hoàng Ân. Sau đó Luân đã bán cho 02 cá nhân, hưởng lợi 1.500.000 đồng.

6. Ngày 17/11/2023, Nguyễn Ngọc Huy đã có hành vi mua 3.500.000 đồng tiền giả của Lê Đức Trung và cất giấu tại nơi ở của mình để lưu hành.

7. Trong tháng 01/2024, Trần Đức Tuấn đã có hành vi mua của Lê Đức Trung 6.800.000 đồng tiền giả. Sau đó Tuấn đã lưu hành được 1.400.000 đồng; số tiền giả 5.400.000 đồng còn lại Tuấn cất giấu tại nơi ở của mình để lưu hành.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Trương Hoàng Ân về tội Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; bị cáo Lê Đức Trung về tội Tàng trữ, lưu hành tiền giả; bị cáo Vương Đình Phong về tội Làm tiền giả; các bị cáo Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung, Trần Đức Tuấn về tội Tàng trữ, lưu hành tiền giả; các bị cáo Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Thành Luân về tội Tàng trữ, lưu hành tiền giả là đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý tài chính, tiền tệ của Nhà nước, gây tác hại lớn đến việc lưu thông tiền tệ trong thị trường, gây bất ổn cho nền kinh tế và gây mất trật tự trị an của xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với vai trò gián đơn nên không được coi là phạm tội có tổ chức. Vai trò của các bị cáo được thể hiện như sau:

- Đối với bị cáo Trương Hoàng Ân: Từ tháng 6/2023 đến tháng 4/2024 thông qua mạng xã hội (ứng dụng Telegram), Ân đã trao đổi đặt mua công cụ, phương tiện để học cách làm tiền giả. Ân thuê Vương Đình Phong chỉnh sửa các File hình ảnh

tiền giả cho giống với tiền thật, khi nhận được các File hình ảnh tiền giả do Phong gửi, Ân tiến hành tự làm tiền giả tại nhà mình. Để việc làm, lưu hành tiền giả không bị phát hiện, Ân đã tìm cách che dấu nhân thân, lai lịch của mình bằng cách mua Căn cước công dân giả, số điện thoại và tài khoản ngân hàng bằng tên người khác để đăng ký mở tài khoản tại Công ty Dịch vụ giao hàng nhanh, Viettel Post phục vụ cho việc bán tiền giả và thu tiền thật từ việc bán tiền giả. Đồng thời Ân không cho các đối tượng mua tiền giả biết tên, địa chỉ cư trú của mình; không gặp mặt giao tiền giả trực tiếp mà lợi dụng các trang mạng xã hội Facebook, Zalo, Telegram... tạo các tài khoản ảo như: “Hà Nguyễn”, “My Tran”, “Vô Tâm”, “To Kuda”, “Ân”, “Hận Đời” hoặc “Ngọc Ân”... để quảng cáo, giới thiệu, trao đổi thống nhất hình thức, số lượng, mệnh giá tiền giả khi bán cho người mua. Với phương thức thủ đoạn trên từ khoảng tháng 9/2023 đến tháng 01/2024 Ân đã làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả được 211.550.000 đồng (lưu hành 201.150.000 đồng, tàng trữ 10.400.000 đồng) và tạo 125 đơn hàng tiền giả gửi bán cho 80 người ở 44 tỉnh thành phố khác nhau trên địa bàn cả nước, trong đó có bán tiền giả cho Lê Đức Trung, Nguyễn Thành Luân, Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung,... Số tiền Ân hưởng lợi được từ việc bán tiền giả là 83.955.866 đồng.

Ngoài hành vi Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả, bị cáo Ân còn có hành vi mua 01 Căn cước công dân giả mang thông tin Trang Anh Tuấn, ảnh không phải của Tuấn trên mạng và sử dụng căn cước công dân giả để che dấu hành vi phạm tội bị cáo; do đó xác định bị cáo Ân là người cầm đầu khởi xướng việc làm tiền giả để bán cho các đối tượng khác nhằm mục đích kiếm lời, lấy thu nhập từ hành vi lưu hành tiền giả làm nguồn sống chính nên có vai trò chính trong vụ án.

- Đối với bị cáo Lê Đức Trung: Khoảng tháng 8/2023, Trung nảy sinh ý định đặt mua tiền giả về tiêu thụ lấy tiền lãi để chi tiêu cá nhân; thông qua các hội nhóm mua bán tiền giả trên Telegram, Trung đã sử dụng tài khoản Telegram “Trung Le” của mình để liên hệ với tài khoản Telegram “Ngọc Ân” và “Ân” của Ân để mua tiền giả. Trung nhận 15 đơn hàng tiền giả của Ân và chuyển 14.050.000 đồng tiền thật qua số tài khoản 1400029352657, chủ tài khoản là TRANG ANH TUAN để đặt mua được 80.950.000 đồng tiền giả. Sau khi nhận tiền giả từ Ân, Trung đã bán được 26.650.000 đồng tiền giả, tàng trữ 54.300.000 đồng và tạo 17 đơn hàng tiền giả bán cho 07 người ở nhiều tỉnh, thành phố qua dịch vụ chuyển phát của Công ty cổ phần dịch vụ Giao hàng nhanh, trong đó có bán cho Nguyễn Ngọc Huy, Trần Đức Tuấn,... thu được số tiền thật là 7.200.000 đồng; do đó xác định bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án.

- Đối với bị cáo Vương Đình Phong: Phong là nhân viên làm thuê tại Cửa hàng “Ảnh viện cho bé và gia đình” của chị Nguyễn Thị Khánh Huyền. Thông qua tài khoản Zalo, Telegram Phong đã đồng ý kết bạn với Trương Hoàng Ân, lợi dụng sự hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp của mình khi Ân thuê Phong chỉnh sửa các File tiền giả Phong đã đồng ý. Từ tháng 11/2023 đến tháng 12/2023 Phong đã 05 lần chỉnh sửa hình ảnh các File tiền giả theo yêu cầu của Ân và được Ân trả cho 940.000 đồng tiền công. Từ các File ảnh tiền giả do Phong chỉnh

sửa, Ân đã làm ra 33.500.000 đồng tiền giả để tàng trữ và bán cho nhiều đối tượng khác nhau; do đó xác định hành vi của bị cáo Phong là đồng phạm với bị cáo Ân về tội Làm tiền giả với vai trò giúp sức. Tuy nhiên giữa bị cáo Ân với bị cáo Phong không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ trong quá trình làm tiền giả mà bị cáo Phong chỉ thực hiện việc chỉnh sửa tiền giả theo yêu cầu của Ân và nhận tiền công nên xác định bị cáo có vai trò thứ ba trong vụ án.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung, Trần Đức Tuấn:

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thị Truyền: Khoảng tháng 11/2023, Nguyễn Thị Truyền đã sử dụng tài khoản Facebook “Nhà May Truyền Nguyễn” của mình kết bạn với tài khoản “Hà Nguyễn” của Trương Hoàng Ân hỏi mua tiền giả. Ân đồng ý bán và hướng dẫn Truyền lập tài khoản Telegram “Hồng Ngọc” để kết bạn, nhắn tin với tài khoản Telegram của Ân để trao đổi mua bán tiền giả. Từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2023 Truyền đã mua của Ân 12 đơn hàng tiền giả, Truyền dùng số tiền thật 6.750.000 đồng mua được 48.400.000 đồng tiền giả của Ân. Sau đó theo yêu cầu của Ân, Truyền đã gửi tiền giả bán cho người khác, Truyền không trực tiếp liên hệ với người mua mà thực hiện việc gửi tiền giả theo các đơn hàng đã được Ân tạo sẵn nên không xác định được số lượng tiền giả đã lưu hành và số tiền được hưởng lợi từ việc bán tiền giả là bao nhiêu.

+ Đối với bị cáo Dương Văn Trung: Trung là chồng hợp pháp của Nguyễn Thị Truyền. Khoảng đầu tháng 12/2023 tại phòng ngủ Trung thấy Truyền dùng kéo cắt các tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, Trung biết là tiền giả nhưng không tố giác hay ngăn chặn hành vi của Truyền. Đến ngày 05/12/2023 Truyền đưa cho Trung 3.000.000 đồng tiền mặt để Trung chuyển vào số tài khoản ngân hàng Wooi bank mang tên TRANG ANH TUAN, Trung hiểu đây là tiền thật gửi mua tiền giả nhưng Trung vẫn thực hiện. Ngoài ra Trung còn giúp Truyền nhận hộ 03 đơn hàng tiền giả, Trung đã đem đi tiêu thụ 6.000.000 đồng tiền giả, còn khoảng hơn 100 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng hình thức xấu không tiêu thụ được nên đã đốt bỏ.

+ Đối với bị cáo Trần Đức Tuấn: Khoảng tháng 01/2024 do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên đã nảy sinh ý định mua tiền giả để lưu hành. Tuấn sử dụng tài khoản Telegram có tên “Hoàng Nam” tham gia vào nhóm rao bán tiền giả và đã nhắn tin với tài khoản Telegram “Trung Le” của Trung hỏi mua tiền giả. Tuấn đã dùng 1.200.000 đồng tiền thật giao dịch 02 lần với Trung mua được 6.800.000 đồng tiền giả. Tuấn đã mang đi tiêu thụ 1.400.000 đồng tiền giả, tàng trữ 5.400.000 đồng tiền giả.

Xét thấy cả 03 bị cáo khi thực hiện hành vi lưu hành tiền giả đều nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, song để có tiền phục vụ sinh hoạt cá nhân, nên vẫn cố tình thực hiện. Trong đó, bị cáo Truyền là người mua của Ân số tiền giả nhiều nhất 48.400.000 đồng, nên xác định bị cáo có vai trò cao nhất trong nhóm, sau đó đến bị cáo Trung đã giúp sức cho bị cáo Truyền thực hiện lưu hành tiền giả và bị cáo Tuấn có vai trò thấp nhất trong nhóm với số tiền giả lưu hành ít nhất.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Thành Luân:

+ Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Huy: Khoảng tháng 10/2023, Huy sử dụng tài khoản Facebook tên “Nguyễn Ngọc Huy” liên hệ với tài khoản Facebook của Ân thoả thuận mua 3.000.000 đồng tiền giả, Huy thanh toán cho Ân tiền thật 1.030.000 đồng, sau khi nhận được tiền giả thấy xấu không tiêu thụ được Huy đốt bỏ toàn bộ số tiền giả này. Sau đó qua sự giới thiệu của Ân, Huy tiếp tục trao đổi và mua của Trung 3.500.000 đồng tiền giả, Huy thanh toán cho Trung tiền thật 1.030.000 đồng. Có được tiền giả, Huy cất dấu tại nơi ở của mình, đã tiêu thụ được 1.700.000 đồng, số tiền giả còn lại do sợ bị phát hiện nên Huy đã đốt bỏ.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thành Luân: Khoảng giữa tháng 12/2023, Luân sử dụng tài khoản Telegram tên “lubman vu” đã nhắn tin, trao đổi với tài khoản Telegram tên “To Kuda” của Ân để mua tiền giả 02 lần; Luân đã thanh toán cho Ân tổng số tiền thật là 800.000 đồng và được Ân gửi cho 3.500.000 đồng tiền giả. Sau đó Luân đã bán 3.500.000 đồng tiền giả cho hai cá nhân và hưởng lợi số tiền 1.500.000 đồng.

Xét thấy 02 bị cáo thực hiện hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả với số tiền ít nhất nên xác định các bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trương Hoàng Ân, Vương Đình Phong, Lê Đức Trung, Trần Đức Tuấn, Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung, Nguyễn Thành Luân và Nguyễn Ngọc Huy đều thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, nên phải chịu tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Hoàng Ân lấy thu nhập từ hành vi làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả làm nguồn sống chính, thực hiện hành vi phạm tội liên tục, trong thời gian dài, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trương Hoàng Ân trong quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo bị bệnh nặng, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Lê Đức Trung trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả nộp lại số tiền 7.200.000 đồng, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Vương Đình Phong trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả nộp lại số tiền 940.000 đồng; bị cáo là đồng phạm với Trương Hoàng Ân; bị cáo có bà ngoại là Phạm Thị Ty được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, ông nội là Vương Đình Mùi được tặng Huy chương kháng chiến hạng Ba, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hai bị cáo là đồng phạm của số tiền phạm tội, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

Bị cáo Trần Đức Tuấn trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả nộp lại số tiền 1.400.000 đồng; bị cáo đã cứu giúp người bị nạn, lập công chuộc tội; nhật được của rơi đã trả lại cho chủ sở hữu, ngoài ra, bị cáo Tuấn trong quá trình học tập tại Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng được tặng Giấy khen sinh viên giỏi, đã tham gia bồi dưỡng tìm hiểu về Đảng, có ông ngoại Lê Đình Phùng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s, điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Huy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông nội là Liệt sĩ, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thành Luân trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả nộp lại số tiền 1.500.000 đồng; bị cáo có ông nội là Nguyễn Đình Nhuận được tặng thưởng nhiều huân, huy chương (Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng Ba, Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Huân chương kháng chiến hạng Ba, Bằng khen); bị cáo đã tham gia ủng hộ trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Trong vụ án này các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Xét về tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Trương Hoàng Ân là đặc biệt nghiêm trọng, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc nhất. Các bị cáo Lê Đức Trung, Vương Đình Phong, Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung, Nguyễn Ngọc Huy cần có một mức án phù hợp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục và cải tạo các bị cáo thành công dân tốt. Bị cáo Tuấn, bị cáo Luân có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Trần Đức Tuấn, Nguyễn Thành Luân có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do vậy để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa lỗi lầm Hội đồng xét xử thấy không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà xử cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo ở mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Đối với luận cứ bào chữa của các Luật sư: Trên cơ sở tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định cho phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Các bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Truy thu của bị cáo Trương Hoàng Ân 83.955.000 đồng (*Tám mươi ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Lê Đức Trung 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền 7.200.000 đồng, do ông Lê Đức Anh nộp thay tại Biên lai thu tiền số 0001366, ngày 17/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (bị cáo đã nộp đủ).

Truy thu của bị cáo Nguyễn Ngọc Huy 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Vương Đình Phong 940.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền 940.000 đồng, do ông Ngô Anh Tài nộp thay tại Biên lai thu tiền số 0000131, ngày 17/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (bị cáo đã nộp đủ).

Truy thu của bị cáo Dương Văn Trung 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Trần Đức Tuấn 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền 1.400.000 đồng, do bị cáo Tuấn nộp tại Biên lai thu tiền số 0000231, ngày 02/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (bị cáo đã nộp đủ).

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thành Luân 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền 1.500.000 đồng, do ông Nguyễn Đình Hân nộp thay tại Biên lai thu tiền số 0000173, ngày 02/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (bị cáo đã nộp đủ).

- Đối với các tài sản là điện thoại di động đã tạm giữ của các bị cáo Trương Hoàng Ân, Lê Đức Trung, Nguyễn Thị Truyền, Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Thành Luân, Trần Đức Tuấn có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với Căn cước công dân tên Trang Anh Tuấn, ảnh không phải của Tuấn do có liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các vật chứng là máy tính, máy sấy, máy ép Plastic, máy in thu giữ của Trương Hoàng Ân là công cụ sử dụng để phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với các vật chứng trong vụ án còn lại là tiền giả, giấy bóng kính, túi nilon, 01 tờ giấy lịch, 01 quyển sổ... liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với điện thoại di động của Vương Đình Phong; 01 máy tính nhãn hiệu ACER, kèm theo bộ sạc thu giữ của Lê Đức Trung không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[9] Đối với hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả của Nguyễn Xuân Lượng, sinh năm 2006 (trú tại Thôn Ô Sa, xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế): Lượng đã mua 2.300.000 đồng tiền giả của Lê Đức Trung để tàng trữ, lưu hành và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử tại Bản án hình sự số 31/2024/HS-ST ngày 21/6/2024, do đó không xem xét trong vụ án này.

- Đối với Trang Anh Tuấn, sinh ngày 26/7/1996 (trú tại Số 139/2 Gia Phú, phường 01, quận 06, Thành phố Hồ Chí Minh), căn cước công dân số 079096012761: Tuấn khai thông tin trên căn cước công dân đúng là của Tuấn, do bị mất căn cước công dân nên Tuấn đã làm thủ tục và được cấp lại. Hình ảnh chân dung trên căn cước công dân mà Cơ quan điều tra tạm giữ của Trương Hoàng Ân không phải ảnh của Tuấn; Tuấn không đăng ký mở tài khoản Ngân hàng Wooribank Việt Nam số 100029352657; không đăng ký sử dụng số điện thoại 0928.676.229. Trương Hoàng Ân khai đã mua các giấy tờ, tài khoản, số điện thoại này trên mạng xã hội (không biết người bán là ai). Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không xác định được Tuấn có liên quan đến vụ án, không xác định được đối tượng đã bán các thông tin, hướng dẫn Ân làm tiền giả nên không có căn cứ xem xét xử lý.

- Đối với hành vi của Võ À Minh, sinh năm 2004 (trú tại khóm Vĩnh Hoà, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang): Đã mua của Trương Hoàng Ân 05 đơn hàng tiền giả, tổng số tiền giả đã nhận là 31.800.000 đồng, chưa được cắt rời mà để nguyên trên tờ giấy bóng kính khổ A4, mục đích để Minh làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả. Hiện Võ À Minh đang bị Cơ quan ANĐT Công an tỉnh An Giang khởi tố, điều tra về tội Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả, do đó không xem xét xử lý trong vụ án này.

- Đối với hành vi của Nguyễn Thị Kim Dung, sinh năm 1993 (trú tại Xóm Phúc Yên, xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An): Trong tháng 7/2023, Dung đã mua của Trương Hoàng Ân 4.500.000 đồng tiền giả để tàng trữ, lưu hành. Hành vi trên của Dung đã bị Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử 03 năm tù cho hưởng án treo (Bản án hình sự số 07/2024/HS-ST ngày 27/3/2024). Do đó không xem xét xử lý trong vụ án này.

- Đối với hành vi của các đối tượng đã mua tiền giả của Trương Hoàng Ân, Lê Đức Trung, Nguyễn Thành Luân, gồm:

+ Phạm Minh Huệ, sinh năm 1994 (ĐKNKTT tại Xóm Chuối, xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở Số 34, khu Liên Cơ, xã Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội): Mua của Ân 1.200.000 đồng.

+ Trần Văn Thành, sinh năm 1984 (trú tại Thôn An Bình, xã Uar, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai): Mua của Ân 6.400.000 đồng.

+ Lê Quốc Huy, sinh ngày 18/02/2005 (trú tại Số 130B đường Hai Bà Trưng, Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng): Mua của Ân 700.000 đồng.

+ Võ Đại Tính, sinh năm 1991 (trú tại 17/6, 20C, Khu 3, Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai): Mua của Ân 400.000 đồng.

+ Lê Quốc Huy, sinh năm 2004 (trú tại ấp Thạch Trung, xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An): Mua của Ân 2.000.000 đồng.

+ Tô Chí Điền, sinh năm 1995 (trú tại 31U2 đường Võ Thị Sáu, Kp. Long Nguyên, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu): Mua của Ân 3.000.000 đồng.

+ Cao Trần Khánh Tâm, sinh năm 1994 (trú tại Số 432 Trường Sa, phường 02, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh): Sử dụng 1.000.000 đồng tiền thật để mua tiền giả của Trương Hoàng Ân, nhưng không xác định được số lượng tiền giả đã nhận được.

+ Phan Trần Tô Nhi, sinh năm 1990 (trú tại Ấp Mỹ Hoà B, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang): Mua của Ân 7.500.000 đồng.

+ Tạ Thị Kiều Trâm, sinh năm 1999 (trú tại Ấp Bà Trâm, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh): Mua của Ân 3.400.000 đồng.

+ Trần Trung Thuận, sinh năm 2004 (trú tại Số nhà 75 Tổ 4, Khu 4, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang): Mua của Trung 4.600.000 đồng.

+ Đinh Tấn Dũng, sinh ngày 15/8/1995 (trú tại Thôn Bó Lang, xã Phước Bình, huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận): Mua của Luân 1.000.000 đồng tiền giả.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, nhưng ngoài lời khai của các đối tượng, không thu được tài liệu, vật chứng có liên quan; các đối tượng trên đều thừa nhận được trao đổi mua bán tiền giả với Ân, Trung hoặc Luân và nhận được tiền giả như đã nêu trên. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền giả, thấy chất lượng kém, không giống tiền thật nên đã hủy bỏ ngay, không tàng trữ, lưu hành. Do đó, không đủ căn cứ để xem xét xử lý các đối tượng này về hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả.

- Đối với Phạm Đình Vĩ, sinh năm 1992 (trú tại KP Diêm Tiêu, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định): Quá trình điều tra, Ân khai Vĩ nhắn tin trao đổi mua tiền giả với Ân, được Ân gửi cho 01 đơn hàng, trong có 800.000 đồng tiền giả, nhưng Vĩ không thừa nhận trao đổi mua bán tiền giả với Ân mà chỉ nhận trao đổi, mua bán ví da với một đối tượng trên mạng xã hội Facebook. Khi nhận được đơn hàng, trong có 01 ví da, ngoài ra trong hộp hàng còn có khoảng 20 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và mệnh giá 500.000 đồng, Vĩ xác định là tiền âm phủ, không phải là tiền giả. Do chất lượng ví da kém nên Vĩ đã liên hệ với người bán, yêu cầu trả lại hàng và người này hướng dẫn Vĩ tạo đơn hàng gửi cho Lê Đức Trung. Trung khai nhận được 01 đơn hàng tiền giả do Vĩ gửi, nhưng không nhớ số tiền giả được nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không đủ căn cứ xác định Phạm Đình Vĩ có hành vi tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, do đó không đủ căn cứ xem xét xử lý.

- Đối với đơn hàng có mã vận đơn: BvB1212, địa chỉ nhận đơn hàng tại đường Tân Hiệp 49, phường Tân Hiệp, Tx. Tân Uyên, Bình Dương, số điện thoại 0768.247.158: Chủ thuê bao số điện thoại trên là Nguyễn Trọng Ngọc, sinh ngày 27/12/1986 (địa chỉ Phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Kết quả điều tra xác định Ngọc đã chết ngày 04/10/2021, nên không xem xét.

- Ngoài các đơn hàng đã xác định được đối tượng mua tiền giả nêu trên, Trương Hoàng Ân, Lê Đức Trung khai còn gửi các đơn hàng tiền giả cho các cá nhân đã cung cấp thông tin nhận hàng để Ân, Trung tạo đơn và gửi qua các đơn vị chuyển phát gồm:

+ Bình Minh, số điện thoại 0842.092.006 (thông tin đăng ký số điện thoại là Tạ Thị Hương, địa chỉ Phố Tôn Đức Thắng, Hàng Bột, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội); địa chỉ nhận hàng Số 36 Hoàng Cầu, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội).

+ Dương Béo, số điện thoại 0844.444.121, địa chỉ Nhà hàng Hương Ngọc, khu chung cư Hà Hương, Kiên Hà, quận Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

+ Dũng, số điện thoại 0856.743.809, địa chỉ 129 Đường Yên Xá, Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

+ Hưng, số điện thoại 0582.993.425 (thông tin đăng ký số điện thoại là Ngô Đăng Nam, sinh ngày 08/11/1986, địa chỉ huyện phong Điền, Thành phố Cần Thơ); địa chỉ nhận đơn hàng Số 219 Đường Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

+ Tâm, số điện thoại 0866.810.412 (thông tin đăng ký số điện thoại là Lê Bảo Trâm, sinh năm 23/9/2002, địa chỉ Tổ 2 Tây Bắc, Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa); địa chỉ nhận đơn hàng Số 353 An Dương Vương, Phố Thượng Thụy, Phú Thượng, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

+ Tuấn, số điện thoại 0376.264.628, địa chỉ xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

+ Tài khoản Telegram “Tungteng Tungteng”, số điện thoại 0342.027.011, địa chỉ nhận đơn hàng: Thôn Giang Liễu, phường Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

+ Tuấn, số điện thoại 0972.850.942, địa chỉ Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ Người sử dụng số điện thoại 0357.572.006, địa chỉ tổ dân phố 2, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Hải, số điện thoại 0367.878.576 (thông tin đăng ký số điện thoại là Hồ Văn Duy, sinh ngày 12/7/1987, địa chỉ Trương Định 2, Bình Hòa, Tây Sơn, tỉnh Bình Định); địa chỉ nhận đơn hàng Hẻm 50, Lê Đại Hành, Thống Nhất, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

+ Hải, số điện thoại 0782.563.639, địa chỉ Thích Quảng Đức, Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

+ Tài khoản Telegram “Đỗ Thịnh”, số điện thoại 0925.941.283, địa chỉ nhận đơn hàng Số 161 Tôn Thất Thuyết, Phường Thống nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

+ Tài khoản Telegram “Nguyễn Hoàng Hải”, số điện thoại 0772.550.294, địa chỉ nhận đơn hàng Số 90 Amakhe, phường Tự An, Buôn Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk.

+ Khang, số điện thoại 0868.520.810 (thông tin đăng ký số điện thoại là Châu Các My, sinh ngày 06/9/2000, địa chỉ Số 83, Đồng Tỉnh, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng); địa chỉ nhận đơn hàng Số 146/2 Đường số 30, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quân, số điện thoại 0382.970.394 (thông tin đăng ký số điện thoại là Công ty TNHH Thương mại Viễn thông Đại Đức, địa chỉ phường 03, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh), địa chỉ nhận đơn hàng Phú Lợi, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

+ Tân, số điện thoại 0346.683.437 (thông tin đăng ký số điện thoại là Trần Văn Sữa, sinh ngày 01/01/1931, địa chỉ Mỹ Hội Đông, Chợ Mới, tỉnh An Giang), địa chỉ nhận đơn hàng CTY TNHH MYUNGSHIN Việt Nam, Đường số 3, Bình Hòa, Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Hiếu, số điện thoại 0375.442.837, địa chỉ Vòng Xoay KCN Xuân Lộc, đường Trần Hưng Đạo, Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

+ Người sử dụng số điện thoại 0964.973.333, địa chỉ 97B, Nguyễn Duy Dương, phường 9, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người sử dụng số điện thoại 0879.731.731, nhận qua nhà xe Hải Duyên giao đến Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Người sử dụng số điện thoại 0913.471.010, địa chỉ nhận đơn hàng Phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người sử dụng số điện thoại 0933.162.022, địa chỉ 237 đường Trương Thị Hoa, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người sử dụng số điện thoại 0868.520.810, địa chỉ 146/2 Đường số 30, Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người đặt mua tiền giả có số điện thoại 0976.273.807, địa chỉ Ấp Phú Khương C, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

+ Người sử dụng số điện thoại 0869.696.214, địa chỉ ấp Bình Thuận, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh nhưng không xác định được thông tin liên quan (không có các cá nhân đăng ký nhân khẩu thường trú, tạm trú tại các địa chỉ nêu trên hoặc sim điện thoại được đăng ký là sim chưa đăng ký, đăng ký không chính chủ). Do đó không có căn cứ xem xét xử lý.

- Đối với các cá nhân đã cung cấp thông tin nhận hàng để mua tiền giả của Trương Hoàng Ân, Lê Đức Trung gồm:

+ Minh, số điện thoại 0345.464.103 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 08/6/2001, địa chỉ TDP Tân Phú, TT Lập Thạch, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc), địa chỉ nhận đơn hàng 192 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội.

+ Hoàng Anh, số điện thoại 0961.322.311 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Thị Thúy, sinh ngày 09/9/1994, địa chỉ Văn Trại Vân Dương, Bắc Ninh), địa chỉ nhận đơn hàng Trường Đại học Công nghệ Đông Á.

+ Quân, số điện thoại 0967.267.565 (thông tin đăng ký số điện thoại Phạm Văn Tiến, sinh ngày 23/11/1999, địa chỉ Hải Minh, Hải Hậu, Nam Định), địa chỉ nhận đơn hàng Ngõ 603 Đường Lạc Long Quân, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội.

+ Diu Lam, số điện thoại 0932.082.731 (thông tin đăng ký số điện thoại Vũ Thị Tuyết Mai, sinh ngày 12/12/2000, địa chỉ Xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình), địa chỉ nhận đơn hàng Căn hộ CBD Premium, 125 Đồng Văn Cống, Thanh Mỹ Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hải, số điện thoại 0788.223.248 (thông tin đăng ký số điện thoại Phan Văn Vinh, sinh ngày 17/7/1990, địa chỉ xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải, Thái Bình), địa chỉ nhận đơn hàng Lý Bôn, phường Trần Lãm, Tp. Thái Bình, Thái Bình.

+ Thắng, số điện thoại 0389.933.331 (thông tin đăng ký số điện thoại Lý Đức Thắng, sinh ngày 15/2/1999, địa chỉ Tài Nam 1, Cao Chương, Trùng Khánh, Cao Bằng), địa chỉ nhận đơn hàng 397 quang trung, P.Thịnh Đán, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Phong, số điện thoại 0987.001.661 (thông tin đăng ký số điện thoại Bùi Văn Long, sinh ngày 10/4/1992, địa chỉ phường Hương Sơ, Tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế), địa chỉ nhận đơn hàng 75 Phan Anh, An Đông, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế.

+ Duyên, số điện thoại 0792.305.279 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Trung Phong, sinh ngày 30/5/1987, địa chỉ Làng Châu Bắc, xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam), địa chỉ nhận đơn hàng Đường Hùng Vương, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

+ Long, số điện thoại 0903.586.310 (thông tin đăng ký số điện thoại Trần Xuân Long, sinh ngày 28/6/1990, địa chỉ xã Diên Lạc, Diên Khánh, Khánh Hòa), địa chỉ nhận đơn hàng xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

+ Tâm, số điện thoại 0949.622.612 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Thị Thanh Thư, địa chỉ TT Ma Lâm, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận), địa chỉ nhận đơn hàng UBND Thị Trấn Phú Long, Quốc lộ 1A, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận.

+ Ung Quý Thi, số điện thoại 0914.878.730 (thông tin đăng ký số điện thoại Ung Quý Thi, địa chỉ Phong Nẫm, Phan Thiết, Bình Thuận), địa chỉ nhận đơn hàng 134/90, Tân Chánh Hiệp 18, Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trung, số điện thoại 0366.946.777 (thông tin đăng ký số điện thoại Trần Quốc Trung, sinh ngày 10/10/1994, địa chỉ thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum), địa chỉ nhận đơn hàng Chợ Phiên Sa Thầy, U Rê, tt. Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

+ Trâm, số điện thoại 0961.316.680 (thông tin đăng ký số điện thoại Mai Thị Như Trâm, sinh ngày 10/3/1998, địa chỉ Tdp6 Không Kmar, huyện Không

Bông, Đắk Lắk), địa chỉ nhận đơn hàng 66 Võ Văn Hát, Long Trường, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trung, số điện thoại 0899.798.105 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Đăng Lâm, sinh ngày 07/01/2000, địa chỉ Thôn Tâm Hà, xã Cư Klông, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk), địa chỉ nhận đơn hàng 380 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Minh, số điện thoại 0986.442.517 (thông tin đăng ký số điện thoại Lê Hoàng Thi, sinh ngày 10/10/1989, địa chỉ Thôn 4 Nhân Đạo Đắk Rlấp, Đắk Nông), địa chỉ nhận đơn hàng Hẻm 1766 phường Phước Cơ, thành phố Vũng Tàu.

+ Thới, số điện thoại 0932.893.706 (thông tin đăng ký số điện thoại Lê Quốc Thới, sinh ngày 25/5/1989, địa chỉ xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), địa chỉ nhận đơn hàng C13/13 Cư Xá Phú Lâm B, phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Lâm Khải Nguyên, sinh năm 1998, số điện thoại 0909237502, địa chỉ 144/4, TX Thanh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Nhân, số điện thoại 0356.799.895 (thông tin đăng ký số điện thoại Võ Phước Hiền, sinh ngày 24/10/1983, địa chỉ Tồ 2, Ấp 1 xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), địa chỉ nhận đơn hàng Đường số 5, tt. Bến Lức, Bến Lức, Long An.

+ Minh, số điện thoại 0399.911.784 (thông tin đăng ký số điện thoại Phạm Thị Mỹ Xuyên, sinh năm 2000, địa chỉ Mỹ An, Thiện Mỹ, Châu Thành, Sóc Trăng), địa chỉ nhận đơn hàng Phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

+ 02 cá nhân đã chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng mang tên Trang Anh Tuấn (do Trương Hoàng Ân quản lý, sử dụng): Đinh Quang Vinh, sinh năm 1997, địa chỉ TDP Vĩnh Tiến, TT Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, Hà Nam. Lê Văn Thiện, sinh năm 1988, trú tại số C23, đường Lê Hồng Phong, phường Hoà An, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình điều tra, xác định các đối tượng trên không có mặt tại nơi cư trú. Cơ quan điều tra đã chuyển thông tin, tài liệu liên quan đến các địa phương để tiếp tục xác minh, giải quyết theo quy định. Nên không xem xét trong vụ án này.

- Đối với các cá nhân có thông tin nhận đơn hàng tiền giả, gồm:

+ Minh, số điện thoại 0368.580.508 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Thị Tâm, sinh ngày 13/5/1976), địa chỉ nhận đơn hàng Cổ Chất, Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội.

+ Nguyễn Bắc, số điện thoại 0334.362.095 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Việt Phương, sinh ngày 08/10/1945, địa chỉ Xóm 6 Đồng Lư, Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội), địa chỉ nhận hàng Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, Hà Nội.

+ Tâm, số điện thoại 0947.216.121 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Thị Thu Trang, địa chỉ 10 Tổ 4, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội), địa chỉ nhận hàng 141 Đường Nước Phần Lan, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Hà Nội.

+ Thành, số điện thoại 0934.597.176 (thông tin đăng ký số điện thoại Trần Danh Khang, sinh ngày 25/3/2003, địa chỉ Cụm 1, tổ 7, phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội), địa chỉ nhận hàng 143 An Dương Vương, Phú Thượng, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

+ Minh, số điện thoại 0989.642.210 (thông tin đăng ký số điện thoại Tạ Thị Trang, sinh ngày 23/12/1990, địa chỉ Yên Nội, Chấn Hưng, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc), địa chỉ nhận đơn hàng Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

+ Trung, số điện thoại 0983.482.748 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Thị Giang Nga, sinh ngày 01/6/1980, địa chỉ Hợp Thịnh, Tam Dương, Vĩnh Phúc), địa chỉ nhận đơn hàng The Sparks CT7, The Spark, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội.

+ Việt Anh, số điện thoại 0923.025.383 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Thị Hạnh, sinh ngày 17/3/1986, địa chỉ thôn Thanh Liên, cộng hòa, huyện Kim Thành, Hải Dương), địa chỉ nhận đơn hàng An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

+ Tâm, số điện thoại 0865.743.809 (thông tin đăng ký số điện thoại Vũ Đức Quyền, sinh ngày 10/5/1974, địa chỉ Đồng Sơn, Nam Trực, Nam Định), địa chỉ nhận đơn hàng 129 Đường Yên Xá, Tân Triều, Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

+ Lê Thị Bích Ngọc, sinh ngày 26/10/1980, trú tại thôn 7, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

+ Đỗ Anh Dũng, số điện thoại 0813246886 (thông tin đăng ký số điện thoại: Đỗ Anh Dân, địa chỉ Phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định), địa chỉ nhận hàng Số 190 Đường Thái Bình, Lộc Hạ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

+ Khanh, số điện thoại 0373.491.319 (thông tin đăng ký số điện thoại Vũ Thị Đông, sinh năm 1952, địa chỉ Phong Vinh, Đại Thắng, Vụ bản, Nam Định), địa chỉ nhận đơn hàng 01 Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

+ Tâm, số điện thoại 0898.019.176 (thông tin đăng ký số điện thoại Bùi Đức Nguyên, sinh năm 1982, địa chỉ thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, Hưng Yên), địa chỉ nhận đơn hàng 132 Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Minh, số điện thoại 0834.222.162 (thông tin đăng ký số điện thoại Lý Thanh Tâm, địa chỉ Phường Tân Thành, Tp. Ninh Bình), địa chỉ nhận đơn hàng Hồ Gươm Plaza, Trần Phú, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội.

+ Minh, số điện thoại 0349.908.684 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Nhật Linh, sinh ngày 23/5/2000, địa chỉ Bản 1 Là, Xuân Thượng, Bảo Yên, Lào Cai), địa chỉ nhận đơn hàng 85 Phố Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.

+ Tuấn, số điện thoại 0343.603.732 (thông tin đăng ký số điện thoại Triệu Thị Múi, sinh ngày 24/6/2001, địa chỉ Thôn Khe Buông, Lâm Ca, Đình Lập, Lạng Sơn), địa chỉ nhận đơn hàng 81 TL31 Thanh Lộc, phường Thanh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quốc Anh, số điện thoại 0327.000.444 (thông tin đăng ký số điện thoại Lê Văn Tuấn, sinh ngày 05/02/1999, địa chỉ thôn 3, Thiệu Dương, Thanh Hóa), địa chỉ nhận đơn hàng Ngõ 180, tổ 2 Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên.

+ Cẩm Tiên, số điện thoại 0345.243.574 (thông tin đăng ký số điện thoại Đỗ Anh Tuấn, sinh ngày 14/01/198, địa chỉ Khu phố Hải Ninh thị trấn Bến Sung, Như Thanh, Thanh Hóa), địa chỉ nhận đơn hàng 87 Nguyễn Khuyến, Bình Tân, Thanh Hoá.

+ Thành, số điện thoại 0886.711.136 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Hà Trang, địa chỉ Thôn Mau Giáp, Trung Chính, Nông Cống, Thanh Hóa), địa chỉ nhận đơn hàng 5T Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa.

+ Lê Văn Quyền, số điện thoại 0559.507.901 (thông tin đăng ký số điện thoại Lê Văn Quyền, sinh ngày 08/4/2001, địa chỉ Thạch Châu, Lộc Hà, Hà Tĩnh), địa chỉ nhận đơn hàng Học Viện Phòng Không Không Quân, Hà Nội.

+ Hải Nam, số điện thoại 0982.726.766 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Minh Vương, sinh ngày 17/12/1981, địa chỉ 09/08D/A Nguyễn Thiện Thuật, Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa), địa chỉ nhận đơn hàng Nguyễn Thiện Thuật, Tân Lập, Nha Trang, Khánh Hòa.

+ TuCu, số điện thoại 0906.519.983 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Quốc Cường, sinh ngày 01/5/1995, địa chỉ P.Vĩnh Khương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa), địa chỉ nhận đơn hàng 44, tổ 7, thôn Đắc Lộc, xã Vĩnh Khương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

+ Nguyễn Phan, số điện thoại 0793.644.161 (thông tin đăng ký số điện thoại Phan Chung Nguyên, sinh ngày 29/8/1998, địa chỉ thôn Tuân Thưa, xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa), địa chỉ nhận đơn hàng hồ câu Bảo An, quốc lộ 26, Khánh Hoà.

+ Sơn Hoàng, số điện thoại 0886.860.254 (thông tin đăng ký số điện thoại Trần Ngọc Minh, địa chỉ Bến Vân Đồn, phường 2, quận 4, Hồ Chí Minh), địa chỉ nhận đơn hàng 16 Khu Dân Cư 434, Bình Hoà, Thuận An, Bình Dương.

+ An, số điện thoại 0944503440 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Anh Khoa, sinh năm 2006, địa chỉ Ấp Xóm Lớn A, Vĩnh Mỹ A, Hòa Bình, Bạc Liêu), địa chỉ nhận đơn hàng Khóm 7, Hiệp Thành, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

+ Anh, số điện thoại 0706.130.119 (thông tin đăng ký số điện thoại Phạm Thùy Dương, sinh ngày 06/7/2002, địa chỉ 651 Ấp Than Mau, xã Định Thành A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu), địa chỉ nhận đơn hàng Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười, thị trấn Mỹ An, Tháp Mười, Đồng Tháp.

+ Anh, số điện thoại 0869.909.783 (thông tin đăng ký số điện thoại Lê Văn Giang, sinh ngày 21/4/1997, địa chỉ Tân Phú, Thới Bình, Cà Mau), địa chỉ nhận đơn hàng Chợ Kim Long, Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Nguyên, số điện thoại 0914.814.532 (thông tin đăng ký số điện thoại Nguyễn Ngọc Thành, sinh ngày 08/02/1982, địa chỉ Ngõ Quyền, Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang), địa chỉ nhận đơn hàng 839/52 Đường Nguyễn Trung Trực, Phường An Bình, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Quá trình điều tra, các cá nhân có thông tin đăng ký chủ thuê bao các số điện thoại trên đều không thừa nhận được trao đổi mua bán tiền giả với Trương Hoàng Ân và Lê Đức Trung. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không thu thập được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh các đối tượng trên đã thực hiện hành vi mua tiền giả để tàng trữ, lưu hành, do đó không đủ căn cứ để xử lý.

- Đối với người tên Trọng, Trung khai là người sử dụng tài khoản Telegram “Hee Mr” và “Hiha” để trao đổi, bán tiền giả cho Trung; người đàn ông Nguyễn Thành Luân khai đã mua 2.500.000 đồng tiền giả của Luân tại khu vực sân vận động thành phố Hải Dương; người phụ nữ tên Dung sống cùng phòng trọ với Nguyễn Ngọc Huy: Những người đã nhận tiền giả do các bị can Trung, Luân, Huy lưu hành, nhưng Trung, Luân, Huy không cung cấp được thông tin liên quan, không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của những người này nên không đủ căn cứ để xử lý.

- Đối với ông Trương Văn Đức và bà Nguyễn Thị Kim Loan (là bố, mẹ đẻ của Trương Hoàng Ân, trú cùng địa chỉ): Quá trình chung sống với Ân, ông Đức và bà Loan thường xuyên đi làm và sinh sống ở trong nương, rẫy, không có mặt tại nhà nên không biết việc Ân làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả; ông Đức và bà Loan không tham gia vào việc làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả của Ân; không được hưởng lợi gì, nên không xem xét xử lý.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo Trương Hoàng Ân bị bệnh nặng có đơn xin xét xử vắng mặt, người bào chữa cho bị cáo Ân có đơn xin xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên xét xử vắng mặt bị cáo, người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290, Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 207; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Trương Hoàng Ân phạm tội “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Các bị cáo Lê Đức Trung, Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung, Trần Đức Tuấn, Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Thành Luân phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

Bị cáo Vương Đình Phong phạm tội “Làm tiền giả”.

- Về hình phạt:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 207; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Hoàng Ân 17 (mười bảy) năm tù về tội “Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả”, 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Trương Hoàng Ân phải chấp hành là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ: Khoản 3 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đức Trung 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt *tạm giam, ngày 20/3/2024*.

3. Căn cứ: Khoản 2 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vương Đình Phong 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt *tạm giam ngày 13/8/2024*.

4. Căn cứ: Khoản 2 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Truyền 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt *tạm giam ngày 28/7/2024*.

5. Căn cứ: Khoản 2 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn Trung 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

6. Căn cứ: Khoản 1 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Huy 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt *tạm giam ngày 23/9/2024*.

7. Căn cứ: Khoản 2 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s, điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Đức Tuấn 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/4/2025).

Giao bị cáo Trần Đức Tuấn cho Ủy ban nhân dân thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

8. Căn cứ: Khoản 1 Điều 207; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Luân 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/4/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Thành Luân cho Ủy ban nhân dân phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Truy thu của bị cáo Trương Hoàng Ân 83.955.000 đồng (*Tám mươi ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Lê Đức Trung 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền 7.200.000 đồng, do ông Lê Đức Anh nộp thay tại Biên lai thu tiền số 0001366, ngày 17/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (bị cáo đã nộp đủ).

Truy thu của bị cáo Nguyễn Ngọc Huy 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Vương Đình Phong 940.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền 940.000 đồng, do ông Ngô Anh Tài nộp thay tại Biên lai thu tiền số 0000131, ngày 17/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (bị cáo đã nộp đủ).

Truy thu của bị cáo Dương Văn Trung 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Trần Đức Tuấn 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền 1.400.000 đồng, do bị cáo Tuấn nộp tại Biên lai thu tiền số 0000231, ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (bị cáo đã nộp đủ).

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thành Luân 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước; được trừ vào số tiền 1.500.000 đồng, do ông Nguyễn Đình Hân nộp thay tại Biên lai thu tiền số 0000173, ngày 02/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang (bị cáo đã nộp đủ).

2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các đồ vật sau:

- Tịch thu của bị cáo Trương Hoàng Ân:

+ 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, không xác định được số sê-ri, máy tính lắp 01 ổ cứng nhãn hiệu Bamba;

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 5s, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, số IMEI: 35 567707 235451 3, điện thoại lắp SIM có dãy số: 89840509221316681395;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50s, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 352049110688869, số IMEI 2: 352050110688867, điện thoại lắp 02 SIM, SIM 1 có dãy số: 89840 48000 33333 3517, SIM 2 có dãy số 8984050923 1729864264;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 3.1 Plus, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 355846090268217, số IMEI 2: 355846090348217;

Các vật chứng trên được đựng trong 01 (một) hộp giấy được niêm phong dán kín bằng giấy niêm phong có hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và chữ ký của những người có liên quan, trên hộp có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

+ 01 (một) máy sấy hình hộp chữ nhật màu trắng, nhãn hiệu AVA, số hiệu: 4840957000169, máy cũ đã qua sử dụng được đựng trong 01 (một) hộp bìa các tông dán kín có giấy niêm phong có dấu tròn đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và chữ ký của những người tham gia niêm phong, trên hộp có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

+ 01 (một) máy ép Plastic, nhãn hiệu Yatai lamianator, có mã số 13968961202, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) máy in màu, vỏ màu đen, nhãn hiệu EPSON L805, máy cũ đã qua sử dụng. Các vật chứng được đựng trong 01 (một) hộp bìa các tông dán kín có giấy niêm phong có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và chữ ký của những người tham gia niêm phong, trên hộp có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- Tịch thu của bị cáo Lê Đức Trung: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng, số máy: MWFT2LL/A, số sê-ri: G6TZQ7XXN70H, số IMEI 1 35 389010 695179 8, số IMEI 2: 35 389010 708636 2, trong máy lắp 01 sim có dãy chữ số: 8401 1801 1260 6004 OT, được đựng trong 01 (một) phong bì dán kín bằng giấy niêm phong, có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và chữ ký của những người tham gia niêm phong, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị Truyền: 01 (một) điện thoại Iphone 11 Pro Max màu vàng đồng đã qua sử dụng, vỏ máy có nhiều vết xước có số máy MWG42LL/A, số sêri FCJC92RFN70F, số IMEI 353897109432585, bên trong là 01 SIM cứng số thuê bao 0986350368, bề mặt có số 8984048000916286925 và 01 eSIM số thuê bao 0707577678 nhà mạng Monifone, được đựng trong 01 (một) phong bì dán kín, tại các mép dán có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- Tịch thu của bị cáo Trần Đức Tuấn: 01 Điện thoại di động Galaxy Note 10, số sê ri R3CMA0BF33V, số IMEI: 358778101546041 bên trong có 01 SIM có dãy số 898404800019897674, tình trạng đã cũ, qua sử dụng. Vật chứng được đựng trong 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín, có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thành Luân: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy Note 20 Untra 5G, số IMEI 355857115097481, màu hồng, màn hình bị vỡ, có đốm đen giữa màn hình, trong điện thoại lắp sim có dãy số 89840509201312173902, máy cũ đã qua sử dụng. Vật chứng được đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong dán kín, có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

3. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) “CĂN CƯỚC CÔNG DÂN” số: 079096012761, tên Trang Anh Tuấn, sinh ngày 26/7/1996, nơi thường trú: 139/2 Gia Phú, phường 01, quận 6, TP. Hồ Chí Minh. Ngày cấp: 24/11/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an. Vật chứng được đựng trong 01 (một) phong bì dán kín, trên các mép dán có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- 01 (một) tờ lịch kích thước A4, mặt trước in thông tin tờ lịch ngày 30/6/2020, mặt sau có nhiều chữ viết tay mực bút bi màu xanh; 01 (một) quyển sổ kích thước A4, bìa màu đỏ nhãn hiệu Hồng Hà, bên trong giấy trắng có dòng kẻ ngang, có nhiều trang bị rách, không có chữ, có trang có chữ viết tay, sổ đã qua sử dụng được đánh số từ 01 đến 148. Vật chứng được đựng trong 01 (một) bì niêm phong dán kín, ở vị trí đóng, mở bì có hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và chữ ký của thành phần tham gia niêm phong, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- 01 (một) túi nilon màu trắng, bên ngoài có dán tờ giấy trắng in người gửi: S7907900, người nhận: Anh Tân, Ấp Mỹ Thạnh A, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đơn hàng có mã đơn 1516573559, của dịch vụ giao hàng EXPRESS, bên trong có 100 (một trăm) tờ A4 màu kính trắng trong suốt; 01 (một) tờ bưu phẩm màu vàng có dán giấy màu trắng bị xé nham nhở, không rõ hình, in mã vận đơn: 1723627457011, địa chỉ: Ấp Mỹ Thạnh A, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vật chứng được đựng trong 01 (một) hộp bìa các tông dán kín, bên ngoài dán giấy niêm phong có dấu tròn đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và chữ ký của những người tham gia niêm phong, trên hộp có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- 35 (ba mươi lăm) tờ tiền Việt Nam giả (gồm 13 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 17 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 05 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng); 12 (mười hai) tờ nilon, trên bề mặt in 04 tờ tiền Việt Nam giả, mệnh giá 200.000 đồng, có các số sê ri: PR 21052066, PR 21502077, PR 21052006, PR 21052056;

01 (một) tờ nilon, in mặt trước 01 tờ tiền Việt Nam giả, mệnh giá 200.000 đồng số sê ri: PR 21052066; 01 (một) tờ nilon, in mặt trước 03 tờ tiền Việt Nam đồng giả, mệnh giá 200.000 đồng có các số sê ri: PR 21502077, PR 21052006, PR 21052056; 01 (một) tờ nilon, in 04 tờ tiền Việt Nam đồng giả, mệnh giá 100.000 đồng (trong đó có 03 tờ có in mặt trước và mặt sau, 01 tờ không có in mặt phía sau) có cùng số sê ri: UA21851738. Các vật chứng được đựng trong 01 (một) phong bì dán kín, trên các mép dán có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- 11 (mười một) tờ tiền Việt Nam giả (06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 05 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng), được đựng trong 01 (một) phong bì dán kín, trên các mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- 01 (một) Hộp bìa cát tông, trên hộp dán một tờ giấy màu trắng có in thông tin mã vận đơn: SPXVN049840332733; mã đơn hàng : 240309J41HHT5G, người nhận: Lê Đức Trung, số 49, ngõ 14, Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tình trạng hộp đã được mở dọc theo thân hộp, vết rách nhăm nhở.

- 01 (một) túi nilon màu đỏ đã qua sử dụng.

- 01 (một) hộp bìa màu xanh, bên trên có chữ “LAMINATING FILM”

- 11 (mười một) tờ giấy bóng kính màu trắng.

- 102 (một trăm linh hai) tờ tiền giống tờ mệnh giá 20 EURO; trên các tờ tiền đều có dãy chữ, số: “UC 1366259581”; “259581” và chữ “COPY”; 200 (hai trăm) tờ tiền giống tờ mệnh giá 100 đô la (USD), trên các tờ tiền đều có dãy chữ, số “ K1 12340000 A” và chữ “COPY”, được đựng trong 01 phong bì niêm phong dán kín, có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn đỏ của cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- 273 (hai trăm bảy mươi ba) tờ tiền Việt Nam giả (gồm 59 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 77 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 51 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 86 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng), được đựng trong 01 phong bì niêm phong dán kín, có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- 15 (mười lăm) tờ tiền Việt Nam giả (gồm 08 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 07 tờ mệnh giá 200.000 đồng), được đựng trong 01 (một) phong bì dán kín, có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- 01 (một) túi nilon màu vàng.

- 03 (ba) tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 200.000 đồng, được đựng trong 01 (một) phong bì dán kín, tại các mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

- 33 (ba mươi ba) tờ bóng kính trắng kích thước A4.

4. Trả lại các đồ vật sau:

- Trả lại cho bị cáo Vương Đình Phong 01 (một) Điện thoại di động Samsung Galaxy S9+, vỏ màu đen bị nứt vỡ, có số IMEI 1: 355220090056909, số IMEI 2: 355221090056907, bên trong có 01 sim có dãy số: 89840 48000 33669 9465, được đựng trong 01 (một) bì niêm phong dán kín, có hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và các chữ ký của những người có liên quan, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đức Trung 01 (một) máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu ACER Nitro 5, mã S/N: NHQBZSV0021320653C3400, bên trong lắp 01 ổ cứng nhãn hiệu Western Digital, số SN: 212353800937, kèm theo 01 bộ sạc, được đựng trong 01 (một) hộp giấy dán kín bằng giấy niêm phong có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và chữ ký của những người tham gia niêm phong, trên bì có ghi thông tin vật chứng được niêm phong.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 06/01/2025).

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trương Hoàng Ân, Lê Đức Trung, Vương Đình Phong, Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung, Nguyễn Ngọc Huy, Trần Đức Tuấn, Nguyễn Thành Luân mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Các bị cáo Lê Đức Trung, Nguyễn Thị Truyền, Dương Văn Trung, Vương Đình Phong, Nguyễn Thành Luân, Nguyễn Ngọc Huy, Trần Đức Tuấn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị cáo Trương Hoàng Ân và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án (phần liên quan) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Anh Tuấn

Hà Văn Chương

Hoàng Thị Duyên - Hoàng Lê Tâm - Nguyễn Thị Kim Thanh